



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

13

Tháng 7 - 2012

Hội thảo quốc tế: “Các thành phố Bền vững - Thách thức và Cơ hội”

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2012



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chào mừng Hội thảo



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội thảo

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

13

SỐ 13- 7/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định 5 về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
- Quyết định số 801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 6 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020
- Quyết định số 851/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 7 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030
- Thông tư số 03/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn 8 thực hiện Nghị định số 66/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với các chức danh chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 1146/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân 9 tỉnh Bến Tre phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020
- Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 10 dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
- Chỉ thị số 18/2012/CT-UBND của Ủy ban nhân dân 12 thành phố Hồ Chí Minh về việc Quản lý hoạt động các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo bột ô xít nhôm hoạt tính cho ngành công nghiệp gốm sứ và vật liệu chịu lửa” 14
- Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo màng phủ kỵ nước không màu, đa tính năng từ nano silica (nano SiO₂) ứng dụng bảo vệ bề mặt, các công trình xây dựng mỹ thuật và trang trí ngoài trời” 15
- Hội nghị đóng góp ý kiến cho Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030 16
- Hội thảo quốc tế "Các thành phố bền vững - Thách thức và Cơ hội" 18
- Cải tạo trong xây dựng đô thị: Chiến lược, nguyên tắc và biện pháp 20
- Phân tích việc quản lý sử dụng rác thải xây dựng của thành phố Đông Dương, tỉnh Triết Giang - Trung Quốc 26
- Việc mở rộng và ứng dụng nhà ở kết cấu thép nhẹ 29

Thông tin

- Hội nghị giao ban triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2012 của ngành Xây dựng 33
- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và đoàn công tác của Bộ Xây dựng làm việc tại Nam Định và Hải Dương 35
- Chiến lược phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2020 của nước Nga 37
- Chương trình “Chính sách xây dựng đô thị năm 2012 - 2016” của thành phố Moskva (LB Nga) 39
- Vấn đề nhân dân tham gia công tác quy hoạch đô thị - những hạn chế và biện pháp khắc phục 41
- Thành phố Diêm Thành, tỉnh Giang Tô đẩy mạnh xây dựng quy hoạch cấp nước sạch khu vực, thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển vùng ven biển 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 55/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

Ngày 28/06/2012 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2012/NĐ-CP Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; phân loại đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng Nghị định này gồm có: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh); Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện). Nghị định này không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập sau: Các cơ quan thuộc Chính phủ; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp Nhà nước; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội.

Theo Nghị định này, các đơn vị điều kiện để thành lập đơn vị sự nghiệp công lập khi xác định cụ thể mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; đồng thời phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) và có trụ sở làm việc hoặc đề án quy hoạch cấp đất xây

dựng trụ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới); trang thiết bị cần thiết ban đầu; nguồn nhân sự và kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật. Điều kiện để tổ chức lại đơn vị sự nghiệp là đơn vị thực hiện việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập; phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có). Việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện khi có một trong các điều kiện sau: Không còn chức năng, nhiệm vụ; Ba năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoạt động không có hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền thành lập; Theo yêu cầu sắp xếp về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cũng theo Nghị định này quy định căn cứ để phân loại đơn vị sự nghiệp công lập dựa trên các yếu tố: Ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; Chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc thực hiện nhiệm vụ được giao và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập; Tính chất, đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; Cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt; Ban hành tiêu chí cụ thể về phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc

ngành, lĩnh vực mình quản lý; Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; hướng dẫn việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của luật chuyên ngành; Hàng năm tổng hợp, báo cáo về tổ chức

và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/08/2012. Bãi bỏ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp nhà nước tại Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020

Ngày 27/6/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 801/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020. Với mục tiêu là xây dựng An Giang đến năm 2020 có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội đạt mức khá trong Vùng; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa – xã hội, giáo dục và đào tạo, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường liên kết phát triển nhất là với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng lao động với công nghệ tiên tiến, hiện đại, dựa trên phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo năng suất lao động xã hội cao. Đầu tư phát triển các chương trình, đề án, dự án mang tính đột phá, có trọng tâm, trọng điểm.

Thủ tướng yêu cầu, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020 phải khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Tỉnh để đẩy nhanh tốc độ tăng

trưởng kinh tế bền vững, xây dựng An Giang là một trong những đầu mối giao thương trong vùng và các nước ASEAN. Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và phát triển cơ sở hạ tầng đủ sức ứng phó với thiên tai và phát triển bền vững.

Theo Quyết định này, toàn tỉnh An Giang phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 12,5%/năm thời kỳ 2011 – 2020; GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 2.200 USD, năm 2020 đạt 3.540 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Đến năm 2015, cơ cấu ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ là 25,24% - 17,56% - 57,2%; đến năm 2020 là 19,7% - 21% - 59,3%. Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 1,2 tỷ USD và 1,8 - 2 tỷ USD vào năm 2020.

Với quan điểm phát triển: Kết hợp tốt giữa công nghiệp hóa nông nghiệp – hiện đại hóa nông thôn với xây dựng mở rộng các khu đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm, công nghiệp và dịch vụ phát triển năng động; đảm bảo thu

nhập ổn định của người nông dân. Tỉnh An Giang định hướng xây dựng hoàn chỉnh các khu công nghiệp tập trung, gồm khu Vàm Cống (thành phố Long Xuyên), khu Hội An (huyện Chợ Mới) và một số cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của Tỉnh; phấn đấu đến năm 2020 lấp đầy các khu công nghiệp. Xây dựng hạ tầng giao thông hoàn chỉnh với các loại hình đường bộ, đường sông, hàng không. Tăng cường chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn; Phát triển thị trường nông thôn và các thị trường có tiềm năng lợi thế; Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Bố trí quy hoạch phát triển các tiểu vùng nông nghiệp trong tỉnh.

Nguồn vốn đầu tư cho Quy hoạch được huy động tổng lực từ các nguồn vốn trong nước, ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội; trong đó, tập trung huy động vốn từ khai thác quỹ đất,

vốn vay ODA; xã hội hóa đầu tư, tăng cường hình thức PPP. Xây dựng các danh mục dự án do địa phương quản lý để tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn; Nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động vốn đầu tư của vùng Kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long và cơ chế thu hút vốn đầu tư riêng cho một số công trình trọng điểm. Hợp tác và kêu gọi đầu tư vào các khu du lịch, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu. Chú trọng tăng cường hợp tác với nước bạn Campuchia, gần nhất là 2 tỉnh giáp biên giới để thúc đẩy phát triển thương mại – dịch vụ các khu kinh tế cửa khẩu và khai thác phát triển kinh tế vùng biên giới.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 71/2007/QĐ-TTg ngày 22/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 851/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030

Ngày 10/7/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 851/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030. Với phạm vi quy hoạch khoảng 10.000 ha, bao gồm diện tích đảo và biển, có ranh giới địa lý được xác định: Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh; Phía Nam giáp xã Quảng Thọ, huyện Quảng Trạch; Phía Tây giáp các xã Quảng Kim, Quảng Châu, Quảng Tiên, Quảng Lưu, Quảng Phương và Quảng Long, huyện Quảng Trạch; Phía Đông giáp biển Đông.

Khu kinh tế Hòn La được coi là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Công nghiệp – cảng biển – thương mại – dịch vụ - du lịch – đô thị và nông lâm ngư nghiệp; Đây cũng

là một trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Bình, với các điều kiện về hạ tầng đô thị, đồng bộ và có vai trò là đầu tàu thu hút đầu tư, làm động lực phát triển cho các vùng khác.

Theo Quy hoạch được phê duyệt, khu Kinh tế Hòn La phát triển cấu trúc không gian theo 03 trục giao thông chính gồm quốc lộ 1A, đường phía Tây và đường ven biển; hướng phát triển tập trung bám sát khu vực cảng phía Bắc của Khu kinh tế, trong đó Cảng biển nước sâu Hòn La là hạt nhân của Khu kinh tế. Các khu công nghiệp được bố trí tại những vị trí thuận lợi về giao thông. Khu vực xây dựng đô thị và khu du lịch được bố trí sát bờ biển. Khu vực phát triển sinh thái nông nghiệp công nghệ cao và phát triển du lịch được bố trí phía Nam sông

Roòn. Các khu vực đất dành cho quân sự được giữ nguyên để phục vụ yêu cầu an ninh quốc phòng. Các khu vực đồi núi cao để phát triển trồng rừng và sinh thái lâm nghiệp.

Các khu chức năng được xác định rõ trong Quy hoạch gồm: Khu phi thuế quan bố trí gần liền trục chính ra cảng tổng hợp để tiện cho các hoạt động kinh tế đối ngoại, quy mô diện tích khoảng 36 ha; Khu thuế quan gồm khu công nghiệp với tổng diện tích đất dành cho xây dựng công nghiệp khoảng 1.486,5 ha, đất dành cho xây dựng khu đô thị mới với tổng diện tích khoảng 754 ha; Khu dân cư ở nông thôn thì được nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng, nâng cao đời sống nhân dân; Khu cây xanh sinh thái và du lịch được bố trí dọc bờ biển, dọc theo các sông, đồi núi mặt nước tạo cảnh quan và cải tạo vi khí hậu cho khu Kinh tế; Khu vực nông nghiệp sản xuất trên diện tích 1.169 ha, phát triển kinh tế vườn và kinh tế trang trại trồng cây ăn quả và hoa cây cảnh; Khu vực lâm nghiệp

duy trì diện tích 2.848 ha đất vừa để phòng hộ, bảo vệ môi trường vừa khai thác gỗ và phát triển du lịch sinh thái núi; Khu vực quân sự tập trung tại các điểm cao thuộc xã Quảng Đông có quy mô khoảng 430 ha.

Theo nội dung Quy hoạch, những dự án được ưu tiên đầu tư phát triển trong Khu kinh tế Hòn La gồm: Hoàn thiện hệ thống cảng biển Hòn La giai đoạn II; Khu dân cư tái định cư phía Bắc sông Roòn; Mạng lưới đường giao thông phía Bắc sông Roòn; Trục đường nối phía Tây với cảng Hòn La từ khu vực Tiến Châu – Văn Hóa; Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch; Hệ thống hạ tầng khu vực công nghiệp sau cảng biển Hòn La; Khu nhà ở phục vụ công nhân; Trung tâm thương mại dịch vụ; Bảo tồn, tôn tạo đền Bà chúa Liễu Hạnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

**Thông tư số 03/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ
Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2011/NĐ-CP
của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ,
công chức đối với các chức danh chủ sở hữu và người
được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà
nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước**

Ngày 26/6/2012 Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 03/2012/TT-BNV hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với các chức danh chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước. Theo Thông tư này, tiêu chuẩn và điều kiện để cán bộ được bổ nhiệm là: Tốt nghiệp đại học trở lên; có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn và ngoại ngữ phù hợp

theo yêu cầu của vị trí bổ nhiệm; Người được đề nghị bổ nhiệm trong quy hoạch của doanh nghiệp, nếu không trong quy hoạch của doanh nghiệp thì phải có kinh nghiệm thực tế công tác tại doanh nghiệp khác tối thiểu 03 năm hoặc liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp; Người được đề nghị bổ nhiệm lần đầu phải đảm bảo thời gian công tác đủ một nhiệm kỳ 05 năm (60 tháng), đối với chức danh kiểm soát viên là 03 năm (36 tháng); Người quản lý doanh nghiệp bị kỷ luật cách chức, sau khi quyết định kỷ luật hết hiệu lực nếu được xem xét bổ nhiệm

giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì tuổi bổ nhiệm thực hiện như quy định bổ nhiệm lần đầu. Không bổ nhiệm vào các chức vụ, chức danh quản lý doanh nghiệp đối với một trong các trường hợp sau: Đang trong thời gian xem xét kỷ luật; Đang thi hành quyết định kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì không bổ nhiệm vào chức vụ, chức danh cao hơn; Đã bị kỷ luật cách chức do tham nhũng.

Trường hợp bổ nhiệm lại cũng được quy định rõ trong Thông tư này như sau: Người quản lý doanh nghiệp còn từ đủ 03 năm (36 tháng) công tác trở lên, chức danh kiểm soát viên còn từ đủ 02 năm (24 tháng) công tác trở lên trước khi đến tuổi nghỉ hưu, nếu được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định; Người quản lý doanh nghiệp còn dưới 02 năm (24 tháng) công tác, chức danh kiểm soát viên còn dưới 01 năm (12 tháng) công tác trước khi đến tuổi nghỉ hưu, thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo hoặc không giữ chức vụ lãnh đạo để làm chuyên môn đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Quy định đối với trường hợp từ chức, miễn nhiệm là: Người đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, cấp có thẩm quyền trao đổi với trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra trước khi xem xét, quyết định việc từ chức, miễn nhiệm; đối với các chức danh thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành

trao đổi với trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc từ chức, miễn nhiệm; Trong thời gian giữ chức vụ, người quản lý doanh nghiệp tự xét thấy không đủ điều kiện sức khỏe, năng lực để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc có nguyện vọng xin từ chức vì các lý do khác thì có đơn báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Người quản lý doanh nghiệp xin thôi giữ chức vụ do do để doanh nghiệp thua lỗ 02 năm liên tiếp hoặc có sai phạm chưa đến mức bị kỷ luật bằng hình thức cách chức, nhưng không còn đủ uy tín để giữ chức vụ thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ và bố trí công tác khác không chờ hết thời hạn bổ nhiệm.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh người quản lý doanh nghiệp hoặc người đại diện gây thiệt hại đến kinh tế, gây mất vốn, tài sản của nhà nước và của doanh nghiệp hoặc quyết định dự án đầu tư không hiệu quả thì phải có nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả theo quy định tại thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2012.

(Xem toàn văn tại: www.moha.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 1146/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020

Ngày 19/6/2012 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1146/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020. Với mục

tiêu quy hoạch phát triển các CCN nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của tỉnh, góp phần tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, chuyển dịch cơ

cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quy hoạch phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn này. Ưu tiên phát triển các CCN có quy mô hợp lý, phục vụ nhu cầu di dời và mở rộng sản xuất các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tại khu vực, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 nhằm huy động nguồn lực của mọi thành phần kinh tế tiếp tục đầu tư hạ tầng trong và ngoài hàng rào CCN. Mở rộng một số CCN có điều kiện phát triển thuận lợi và thành lập mới một cách có chọn lọc, đưa tổng diện tích đất các CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 lên khoảng 335 - 350ha; Thu hút đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp vào CCN. Phấn đấu đến năm 2015, đưa tỷ lệ lấp đầy bình quân trên địa bàn tỉnh đạt trên 50% diện tích đất công nghiệp cho thuê; thu hút thêm khoảng 1.300 - 1.500 tỷ đồng vốn đầu tư vào phát triển sản xuất; tạo thêm việc làm cho 15 - 18 nghìn lao động. Giai đoạn từ 2016 đến 2020: Tiếp tục mở rộng và thành lập mới một số CCN với diện tích tăng thêm khoảng 230 - 250ha, đưa tổng diện tích đến năm 2020 khoảng 580 đến 600ha; Phấn đấu đến năm 2020, đưa tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN trên địa bàn tỉnh đạt từ 60% - 70% diện tích đất công nghiệp cho thuê; thu hút khoảng 2.200 - 2.500 tỷ đồng vốn đầu tư vào phát triển sản xuất; tạo thêm việc làm cho 20 -

25 nghìn lao động.

Dự tính tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020: 2.133,2 tỷ đồng. Trong đó: Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 1.599,9 tỷ đồng; Vốn đền bù, tái định cư: 533,3 tỷ đồng. Cơ cấu vốn huy động như sau: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ (khoảng 7,0% VĐT): 152,66 tỷ đồng; Vốn huy động nhà đầu tư, vốn vay khác: (khoảng 93,0%): 1.979,5 tỷ đồng.

Quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt sẽ là căn cứ để xem xét, quyết định thành lập, kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi làng nghề, khu dân cư. Quy hoạch xây dựng CCN phải gắn liền cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào CCN để tạo môi trường hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Cần có những cơ chế, chính sách thích hợp để thu hút các nguồn vốn khác nhau tham gia đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào. Trong quá trình xây dựng và phát triển CCN phải xây dựng và triển khai chính sách phát triển hạ tầng xã hội như nhà ở, các công trình công cộng... đối với khu vực. Ngoài việc sử dụng một phần vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động các nguồn lực khác của xã hội bằng những cơ chế thích hợp, ưu đãi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.bentre.gov.vn)

Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Ngày 03/7/2012 UBND tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Quy chế này được ban hành nhằm

cụ thể hóa một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường cho phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể tại địa

phương, tiếp tục đưa Luật Bảo vệ môi trường vào cuộc sống, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững. Đồng thời, quy định cụ thể về công tác quản lý, hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực trong quản lý, bảo vệ môi trường; quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động bảo vệ môi trường. Đối tượng áp dụng là tất cả cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (kể cả các cơ quan, đơn vị trung ương, tổ chức và cá nhân nước ngoài) đang sinh sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Nguyên tắc về bảo vệ môi trường được quy định rõ trong Quy chế là: Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững địa phương và đất nước; Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, là quyền lợi và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình sống và hoạt động; Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp chặt chẽ với xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường ngày càng tốt hơn; Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm đến cùng trong việc khắc phục triệt để ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành; Không được nhập bất cứ một loài sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen nào vào địa bàn khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép; Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; bảo đảm phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

Theo Quy chế này, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường là sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; tăng cường tái sử dụng, tái chế rác thải, nước thải, sử dụng các loại bao gói dễ phân hủy

trong tự nhiên, các sản phẩm có gắn nhãn sinh thái, sản phẩm thân thiện với môi trường. Thực hiện tiêu dùng ít phát sinh rác thải, nhất là bao bì nilon khó phân hủy. Các doanh nghiệp thì tập trung đầu tư phát triển công nghiệp sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đẩy mạnh công tác xã hội hóa vệ sinh môi trường; tăng cường tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu chất thải. Nước thải từ khu vực vệ sinh của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải qua hệ thống xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Nghiêm cấm việc xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lý vào môi trường tiếp nhận.

Chính quyền nhân dân khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế các loại rác thải dễ phân hủy thành các loại phân bón cho cây trồng; các loại chất thải vô cơ không thể tái chế, tái sử dụng cần đựng vào thùng chứa hoặc đổ vào hố rác cố định trong khuôn viên hoặc định kỳ đưa đến khu tập kết rác thải của địa phương. Xây dựng nếp sống hợp vệ sinh, khuyến khích các hộ gia đình đầu tư xây dựng các công trình: giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh. Trong đó, nhà vệ sinh phải được xây dựng đảm bảo theo quy cách quy định, cách giếng nước ít nhất 10m. Nước thải sinh hoạt phải được thu gom vào các hố ga không để chảy tràn, gây ô nhiễm môi trường.

Các tổ chức, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm: Giữ gìn vệ sinh môi trường tại công sở, nơi làm việc; Khuyến khích các tổ chức, cơ quan, đơn vị phát triển tối đa diện tích cây xanh; Tuyên truyền, đề ra quy định và thực hiện tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị; Phát động các hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ quan, đơn vị; Tham gia, hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương.

Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và khu vui chơi giải trí tập trung) phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây: Tuân thủ quy hoạch phát triển

tổng thể và quy hoạch phân khu chức năng đã được phê duyệt; Thực hiện lập và trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định; Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; Có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng các yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường và được vận hành thường xuyên; Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động; Có hệ thống quan trắc môi trường; Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xen kẽ khu dân cư phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây: Có hệ thống kết cấu hạ tầng thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, Quy chuẩn môi trường. Trường hợp nước thải được chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải tuân thủ các quy định của tổ chức

quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung; Có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn và phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Các đơn vị thi công hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị (cấp nước, thoát nước, sửa chữa lòng đường, vỉa hè, lắp đặt cáp thông tin...) cần có kế hoạch dài hạn, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để thống nhất kế hoạch đầu tư, tránh tình trạng cơ sở hạ tầng bị đào xới nhiều lần, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và mất mỹ quan đường phố. Nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Các loại rác thải xây dựng (đất, cát,...) phát sinh trong quá trình thi công không được tập trung lưu giữ trên lòng đường, vỉa hè và phải được vận chuyển, đổ thải đúng nơi quy định.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 30/1999/QĐ-UBND ngày 11/ 6/1999 của UBND Quảng Bình về việc ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Bình.

(Xem toàn văn tại: www.quangbinh.gov.vn)

Chỉ thị số 18/2012/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc Quản lý hoạt động các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 29/6/2012 UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị số 18/2012/CT-UBND về việc Quản lý hoạt động các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ thị này được đưa ra nhằm đảm bảo thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, ổn định và bền vững, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản thực hiện việc bán, chuyển nhượng, cho thuê, thuê mua bất động sản thông qua sàn giao dịch bất động sản theo Luật

Kinh doanh bất động sản và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và nhằm chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

UBND Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện thực hiện nghiêm các nội dung sau: Sở Xây dựng có trách nhiệm Hướng dẫn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất

động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản cho các đối tượng có liên quan, đặc biệt là các hoạt động môi giới, định giá và quản lý sàn giao dịch bất động sản; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng danh sách các sàn giao dịch bất động sản đang hoạt động và tên các sàn giao dịch vi phạm quy định pháp luật; Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND quận, huyện và Hiệp hội Bất động sản Thành phố nghiên cứu đề xuất những chính sách để chấn chỉnh và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; xây dựng tiêu chí đánh giá sàn giao dịch bất động sản và hàng năm có tổng kết, đánh giá, phân loại sàn giao dịch bất động sản báo cáo UBND Thành phố.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm Phối hợp với Sở Xây dựng cung cấp thông tin về tình hình hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Định kỳ 06 tháng cung cấp cho Sở Xây dựng danh sách doanh nghiệp được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư; doanh nghiệp giải thể, doanh nghiệp tạm ngưng hoặc bị cấm hoạt động; doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh

bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn UBND quận, huyện, chỉ đạo các bộ phận chuyên trách thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các sản phẩm bất động sản đã được giao dịch qua sàn.

UBND quận, huyện có trách nhiệm chỉ đạo UBND phường - xã, thị trấn; Công an phường - xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn; Hướng dẫn, chỉ đạo các bộ phận chuyên trách thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các sản phẩm bất động sản đã được giao dịch qua sàn.

Hiệp hội Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kinh doanh bất động sản, đặc biệt các quy định về quản lý hoạt động sàn giao dịch bất động sản nhằm giúp các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản nắm rõ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất những chính sách để chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ sàn giao dịch bất động sản và nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ môi giới, định giá bất động sản.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.hochiminh.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo bột ô xít nhôm hoạt tính cho ngành công nghiệp gốm sứ và vật liệu chịu lửa”

Ngày 29/6/2012, tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu các kết quả của đề tài “Nghiên cứu chế tạo bột ô xít nhôm hoạt tính cho ngành công nghiệp gốm sứ và vật liệu chịu lửa” - mã số RD 24-11 do Viện Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS Vũ Văn Dũng - chủ nhiệm đề tài đã trình bày trước Hội đồng những kết quả nghiên cứu. Theo đó, trong công nghiệp vật liệu silicat, nguyên liệu giàu ô xít nhôm (Al_2O_3) thường được sử dụng để sản xuất các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh, vật liệu chịu lửa và một số loại xi măng chịu nhiệt khác. Bên cạnh nguồn nguyên liệu giàu Al_2O_3 tự nhiên như bô xít còn có nguồn nguyên liệu nhân tạo gồm hydroxit nhôm, ô xít nhôm kỹ thuật và các chế phẩm khác từ ô xít nhôm kỹ thuật (bột mài, ô xít nhôm hoạt tính...). Nghiên cứu của nhóm tác giả dựa trên cơ sở khoa học như đặc tính kỹ thuật, đặc tính nhiệt của bột ô xít nhôm hoạt tính. Trong công nghiệp gốm sứ - đặc biệt là gốm kỹ thuật - ô xít nhôm đóng vai trò chính làm tăng độ cứng, độ chịu mài mòn, độ bền nhiệt...; tuy nhiên việc bổ sung ô xít nhôm trong phối liệu men sẽ làm tăng nhiệt độ, chảy của men. Do đó, ô xít nhôm hoạt tính nhiệt độ là một giải pháp hữu hiệu trong thành phần phối liệu men nung ở nhiệt độ thấp. Còn trong chế tạo bê tông chịu lửa (BTCL), ô xít nhôm hoạt tính góp phần quan trọng trong việc cải thiện chất lượng pha liên kết và nâng cao tính chất cơ lý tại nhiệt độ cao của BTCL (tăng môđun tại nhiệt độ thường và nhiệt độ cao, tăng độ



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

chịu mài mòn, cường độ chịu uốn nóng và độ bền dãn nhiệt...) Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển của ngành xây dựng, nhu cầu về các vật liệu chịu lửa như bê tông chịu lửa, gốm sứ, sứ vệ sinh, gạch ceramic... tăng nhanh trong những năm gần đây, đòi hỏi việc tiêu thụ một khối lượng lớn ô xít nhôm hoạt tính. Tuy nhiên cho tới nay, nguyên liệu bột ô xít nhôm hoạt tính vẫn chưa được nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam; và các nhà sản xuất trong nước vẫn nhập khẩu toàn bộ thứ nguyên liệu này, chủ yếu từ Đức và Trung Quốc. Câu hỏi lớn được đặt ra là: tại sao Việt Nam - một trong những quốc gia có trữ lượng quặng bô xít nhiều trên thế giới - lại chưa thể khai thác đúng tiềm năng của mình trong việc tự sản xuất bột ô xít nhôm hoạt tính? Đề tài với mục tiêu là nghiên cứu, nắm bắt một công nghệ đã có trên thế giới để triển khai thành công trong điều kiện của Việt Nam đã đáp ứng kịp thời nhu cầu bức thiết nêu trên. Ngoài vấn đề giá thành, việc sản xuất được bột ô xít nhôm hoạt tính cho phép tạo nên lợi thế cạnh tranh của sản phẩm trong nước so với hàng nhập khẩu, tạo thế chủ động trong sản xuất, cung ứng và sử dụng sản phẩm; đồng thời

tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Qua tham khảo các tài liệu trong nước và nước ngoài; nghiên cứu mẫu vật liệu từ đó xây dựng quy trình chế tạo mẫu trong phòng thí nghiệm, thực hành chế tạo mẫu nhỏ, kiểm định các thông số kỹ thuật, điều chỉnh quy trình để chế tạo được mẫu vật liệu đạt mục tiêu chất lượng đề ra; kết hợp với việc khảo sát tình hình sử dụng sản phẩm bột ô xit nhôm hoạt tính tại một số cơ sở sản xuất vật liệu chịu lửa trong nước, nhóm đề tài đã thành công với sản phẩm của mình, với các chỉ tiêu chất lượng tương đương sản phẩm ngoại nhập; đồng thời đã thiết lập được quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm với đầy đủ các yếu tố công nghệ sản xuất.

Các báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá: đề tài mang tính ứng dụng thực tiễn rất cao, thể hiện tính nghiêm túc, tính khoa học của nhóm

tác giả trong quá trình nghiên cứu thực hiện. Đề tài cũng có tính khả thi cao do quy trình công nghệ đưa ra hoàn toàn phù hợp với trình độ sản xuất trong nước hiện nay. Các thành viên Hội đồng cũng đã đóng góp một số ý kiến về cách đặt tên của sản phẩm khoa học, về việc nghiên cứu làm rõ hơn quy trình sản xuất, điều kiện tổ chức sản xuất thử...Để đề tài hoàn chỉnh và nhanh chóng được ứng dụng vào thực tế,

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - ThS. Trần Đình Thái – bày tỏ sự nhất trí với các ý kiến của Hội đồng, lưu ý nhóm tác giả tiếp thu mọi ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện đề tài trong thời gian sớm nhất để trình Bộ Xây dựng xét duyệt và công bố.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lê Minh

Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo màng phủ kỵ nước không màu, đa tính năng từ nano silica (nano SiO₂) ứng dụng bảo vệ bề mặt, các công trình xây dựng mỹ thuật và trang trí ngoài trời”

Ngày 5/7/2012, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo màng phủ kỵ nước không màu, đa tính năng từ nano silica (nano SiO₂) ứng dụng bảo vệ bề mặt, các công trình xây dựng mỹ thuật và trang trí ngoài trời” - mã số RD26-11 do Viện Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng, làm Chủ tịch hội đồng nghiệm thu.

Theo báo cáo của ThS. Trịnh Minh Đạt – chủ nhiệm đề tài - chất lượng và độ bền lâu của các công trình xây dựng mỹ thuật và trang trí ngoài trời bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi khí hậu nhiệt đới nóng ẩm của nước ta. Trong đó, phần chịu tác động trước tiên và trực tiếp của



ThS Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng phát biểu kết luận Hội nghị

môi trường là lớp sơn phủ bên ngoài. Công tác tu bổ, sơn phủ định kỳ không những đòi hỏi khoản chi phí nhất định mà còn ảnh hưởng không nhỏ tới việc vận hành, sử dụng công trình. Do đó, màng phủ kỵ nước cho bề mặt

công trình để nâng cao độ bền lâu mà không thay đổi mỹ thuật và giữ lại được vẻ cổ kính dưới tác động của môi trường là nhu cầu cấp thiết. Hiện nay, màng phủ ky nước thường được sử dụng trên cơ sở chất kết dính polyme hữu cơ. Tuy có độ bám dính cao, ky nước tốt, chịu được điều kiện khắc nghiệt của môi trường, nhưng màng phủ trên cơ sở polyme hữu cơ không thân thiện với môi trường và không cho thoát hơi ẩm từ bên trong tường ra ngoài, do đó, màng dễ bị bong rộp theo thời gian. Với mục tiêu là nghiên cứu, chế tạo ra dung dịch ky nước đa tính năng trên cơ sở chất kết dính vô cơ, không sử dụng dung môi hữu cơ để làm màng ky nước, chống bám bẩn cho các bề mặt công trình, đề tài đã bước đầu đa dạng hóa chủng loại sản phẩm màng phủ nói chung và màng phủ ky nước nói riêng, đồng thời thay thế được các dòng sản phẩm màng ky nước đang được nhập ngoại. Qua nghiên cứu và tham khảo các tài liệu trong nước và nước ngoài về vật liệu ky nước nhân tạo, tính chất của màng phủ ky nước, tình hình nghiên cứu và sử dụng màng phủ ky nước trên thế giới và tại Việt Nam, nguyên vật liệu và phương pháp nghiên cứu, nhóm thực hiện đề tài đã sản xuất và ứng dụng thử thành công màng phủ ky nước từ nano silica (tại tượng đài Bác Hồ ở công trình thủy điện Hòa Bình, ống khói khách sạn Horison).

Tại buổi nghiệm thu, nhóm đề tài cũng báo cáo quy trình công nghệ sản xuất và sử dụng

dung dịch ky nước cho các bề mặt vữa, bê tông, gạch, ngói.

Theo PGS.TS Bạch Trọng Phúc - ủy viên phản biện của Hội đồng, đề tài được thực hiện nghiêm túc, cẩn thận, các số liệu phong phú, sản phẩm đã được sản xuất thử nghiệm và có tính khả thi cao. Tuy nhiên, nhóm thực hiện đề tài cần phân tích nhu cầu thực tế của dung dịch ky nước trong giai đoạn hiện nay, và từ đó nêu nguyên nhân lựa chọn quy trình sản xuất với công suất 600.000 lít/năm; cần nêu rõ thể tích của thiết bị khuấy trộn; cần kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi xuất xưởng.

Nhìn chung, các thành viên Hội đồng đều nhìn nhận đề tài mang tính ứng dụng cao, được nghiên cứu công phu, nghiêm túc, kết quả tin cậy. Tuy nhiên, các thành viên Hội đồng lưu ý nhóm tác giả nên phân tích nhu cầu thực tế, đưa ra lợi thế cạnh tranh của sản phẩm màng phủ ky nước được sản xuất trong nước so với các sản phẩm nhập khẩu.

Kết luận buổi nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu – ThS. Trần Đình Thái – nhất trí với các ý kiến của các thành viên Hội đồng, và lưu ý nhóm tác giả tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện đề tài để trình Bộ Xây dựng xét duyệt và công bố.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Thu Huyền

Hội nghị đóng góp ý kiến cho Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030

Ngày 27/6/2012 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị đóng góp ý kiến cho đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý tỉnh Hà Nam đến năm 2030.

Tham dự Hội nghị có ông Phạm Sỹ Lợi - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam, lãnh đạo Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan của tỉnh,

thành phố Phủ Lý; Cục Phát triển đô thị, Vụ Kiến trúc - quy hoạch Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, Viện Kiến trúc, quy hoạch đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng (VIAP) - đơn vị tư vấn lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030 giới thiệu tóm tắt nội dung của đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung.

Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây

dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2020 đã được phê duyệt vào năm 2003. Theo đề án Quy hoạch chung nêu trên, trong những năm vừa qua đô thị Phủ Lý đã có bước phát triển mạnh mẽ, nhiều dự án đầu tư xây dựng đô thị, khu công nghiệp,... đã và đang được triển khai trên địa bàn. Đề án Điều chỉnh quy hoạch chung cũng đã hoàn thành nhiệm vụ nâng cấp thành phố Phủ Lý lên đô thị loại III vào ngày 09/6/2008.

Tuy nhiên, với vai trò đảm nhiệm mới trong vị trí của vùng tỉnh Hà Nam cũng như trong Vùng Thủ đô và thực tế phát triển đô thị hiện nay đã phát sinh nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết về tổ chức không gian và cơ cấu chức năng tại đô thị Phủ Lý.

Trước nhu cầu cấp thiết nêu trên UBND tỉnh Hà Nam đã tổ chức lập đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030.

Báo cáo của Tư vấn đã giới thiệu điều kiện tự nhiên và đánh giá hiện trạng phát triển của thành phố, các tiền đề phát triển đô thị, định hướng phát triển không gian, định hướng hạ tầng kỹ thuật và các kiến nghị.

Mục tiêu của việc điều chỉnh Quy hoạch chung là xây dựng thành phố Phủ Lý văn minh, hiện đại, là trung tâm tổng hợp của tỉnh Hà Nam, có môi trường phát triển bền vững và đảm bảo an ninh, quốc phòng; xây dựng Phủ Lý trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, có tính cạnh tranh cao bền vững và hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế, trở thành đô thị loại II vào năm 2020; xây dựng thành phố theo hướng quy hoạch cấu trúc chiến lược có quan tâm đến biến đổi khí hậu; cụ thể hoá định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Phủ Lý nói riêng và của tỉnh Hà Nam nói chung; cụ thể hoá Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và Quy hoạch Vùng thủ đô Hà Nội; phối hợp và cập nhật vào nội dung điều chỉnh Quy hoạch Vùng thủ đô Hà Nội;

Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm phạm vi nghiên cứu trực tiếp gồm thành phố Phủ Lý hiện nay (6 phường và



Toàn cảnh Hội nghị

6 xã) và 13 xã mở rộng thuộc phạm vi 4 huyện (Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng); phạm vi nghiên cứu gián tiếp gồm Vùng tỉnh Hà Nam, Vùng thủ đô Hà Nội và Vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

Thời gian lập quy hoạch: Đợt đầu đến năm 2020 và dài hạn đến năm 2030.

Việc điều chỉnh quy hoạch chung được thực hiện theo những nội dung sau: Điều chỉnh phạm vi nghiên cứu và định hướng phát triển thành phố để đáp ứng là đô thị trung tâm tổng hợp của tỉnh Hà Nam và là đô thị vệ tinh trong Vùng thủ đô Hà Nội; xác định tầm nhìn và bổ sung tính chất của thành phố Phủ Lý phù hợp với vị thế và vai trò của đô thị trong Vùng thủ đô Hà Nội; điều chỉnh hướng phát triển của thành phố cho phù hợp điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu có tính đến ngoài năm 2030; điều chỉnh một số khu chức năng của đô thị cho phù hợp với một đô thị mang chức năng trung tâm vùng tỉnh, một số trung tâm chuyên ngành của Vùng thủ đô Hà Nội và định hướng liên kết không gian phát triển đô thị vùng lân cận; cập nhật hiện trạng và các định hướng phát triển hệ thống giao thông đối ngoại liên vùng và giao thông đô thị; cập nhật các quy hoạch đã và đang triển khai trên địa bàn; bổ sung một số trung tâm dịch vụ công cộng, trung tâm chuyên ngành cấp vùng, tiểu vùng cho thành phố và các khu đô thị mới; điều chỉnh bổ sung các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật; rà soát các quy hoạch chi tiết, dự án trên địa bàn so với

phương án quy hoạch chung mới; bổ sung và cụ thể hoá các dự án chiến lược và ưu tiên xây dựng đột đầu.

Điều chỉnh quy hoạch chung xác định định hướng phát triển không gian của thành phố Phủ Lý sẽ tập trung vào hành lang kinh tế Bắc Nam với những nội dung chủ yếu sau: Phát triển đô thị cân bằng với phát triển kinh tế và môi trường; tận dụng điều kiện địa hình tự nhiên, tăng cường bảo vệ không gian mở; xem xét và giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng từ các nguồn gây ô nhiễm môi trường; hạn chế phát triển đô thị kề cận không gian di tích văn hoá, lịch sử; khai thác và tận dụng tiềm năng phát triển kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị (giao thông, điện, nước,...); tiếp tục xu hướng đô thị hoá cao, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất đô thị ở mức vừa phải, phát triển tập trung vùng lõi hành lang kinh tế Bắc - Nam và một phần phía Đông đường cao tốc.

Đóng góp ý kiến cho Điều chỉnh quy hoạch chung, các đại biểu của Cục Phát triển đô thị và Vụ Kiến trúc - quy hoạch Bộ Xây dựng đánh giá cao sự phát triển của thành phố Phủ Lý trong những năm qua thể hiện qua các kết quả triển khai thực hiện đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung được phê duyệt năm 2003. Các đại biểu

cũng đã đóng góp ý kiến cho việc tiếp tục hoàn chỉnh đồ án trước khi trình phê duyệt, đề nghị tư vấn luận chứng, phân tích cụ thể hơn và làm rõ nhiều nội dung của đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cho rằng tư vấn cần đánh giá cụ thể hơn việc thực hiện Quy hoạch chung được phê duyệt vào năm 2003, phân tích sâu nội dung định hướng phát triển không gian đô thị trong đó đặc biệt lưu ý làm nổi bật các ưu điểm, nhược điểm của các phương án phát triển không gian được đề xuất; bổ sung căn cứ pháp lý và đánh giá các tiền đề phát triển đô thị; có cơ chế thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác với nước ngoài; thiết kế đô thị cần rõ ràng, cụ thể hơn, trình bày cụ thể hơn việc bảo tồn di sản, tiềm năng du lịch;...

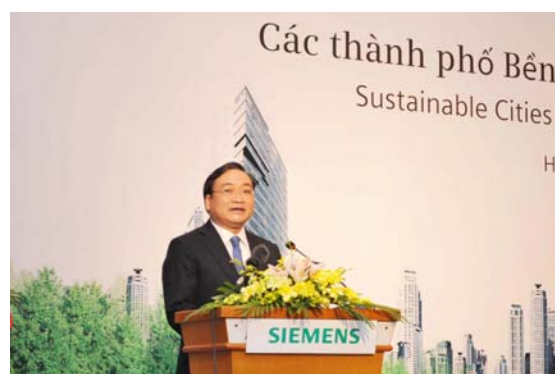
Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn giao cho Vụ Kiến trúc - quy hoạch soạn thảo văn bản nêu các ý kiến của Bộ Xây dựng về đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030, gửi UBND tỉnh Hà Nam để tỉnh có cơ sở chỉ đạo tư vấn hoàn chỉnh đồ án trước khi phê duyệt.

Huỳnh Phước

Hội thảo quốc tế "Các thành phố Bền vững - Thách thức và Cơ hội"

Sáng ngày 10/7/2012 tại Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã phối hợp với Bộ Xây dựng và Tập đoàn Siemens (CHLB Đức) tổ chức Hội thảo "Các thành phố Bền vững - Thách thức và Cơ hội". Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến dự và phát biểu tại Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng; Chủ tịch VCCI Vũ Tiến Lộc; ông Lothar Herrmann - Giám đốc khu vực châu Á của Tập đoàn Siemens; đại diện lãnh đạo Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Công thương,



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chào mừng Hội thảo

Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hà Nội, các Bộ ngành Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát triển đô thị trong nước và nước ngoài.

Phát biểu chào mừng Hội thảo, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đánh giá cao sáng kiến tổ chức Hội thảo này của Bộ Xây dựng, VCCI và tập đoàn Siemens, vì Hội thảo này giải quyết đúng vào nhu cầu của Việt Nam hiện nay, với những thách thức mà Việt Nam đang phải đương đầu về phát triển bền vững.

Trong bài phát biểu của mình, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải nhấn mạnh, đô thị là không gian, là môi trường sống, làm việc, quan hệ xã hội của con người trên một lãnh thổ cụ thể, do vậy, mục tiêu phát triển đô thị là tạo lập một môi trường sống phát triển bền vững vì con người. Phát triển đô thị bền vững vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp sống còn của toàn thể nhân loại chúng ta trong thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo. Đối với các nước đang phát triển, trong quá trình phát triển phải đối mặt với hiện thực là kinh tế càng phát triển thì môi trường càng dễ bị hủy hoại, hiện tượng biến đổi khí hậu gia tăng, sự phân hóa giàu nghèo và bất ổn xã hội càng trở nên gay gắt hơn. Một mặt, phát triển toàn diện nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần, an toàn, trật tự xã hội của các cá nhân và cộng đồng và xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, nhưng mặt khác phải đảm bảo tránh mọi tổn hại hoặc giảm thiểu những hậu quả do hoạt động phát triển gây ra và duy trì cân bằng môi trường sinh thái đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của toàn thể nhân loại. Trong lĩnh vực đô thị, mỗi nước đều có những chính sách, biện pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của mình, tuy nhiên tựu chung đều theo quan điểm thống nhất là bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế - môi trường - xã hội. Sau 25 năm thực hiện chính sách đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển đất nước, tiềm lực kinh tế được cải thiện, đời sống



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội thảo

vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao. Những năm gần đây Việt Nam có tốc độ đô thị hóa cao, diện mạo và chất lượng của đô thị ngày càng được cải thiện, góp phần làm động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội và thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, cũng như nhiều nước đang phát triển, các đô thị của Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như dân số tăng nhanh, khoảng cách giàu nghèo càng lớn, quy hoạch đô thị thiếu hợp lý, chưa hiệu quả, thậm chí lãng phí, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ y tế, giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu, môi trường ô nhiễm chưa được kiểm soát. Nhận thức được vấn đề trên, Chính phủ Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế bền vững và gắn tăng trưởng với bảo vệ và gìn giữ môi trường. Chính quyền các địa phương đã mạnh dạn cải tiến công tác quy hoạch, thuê các nhà tư vấn có năng lực để cấu trúc lại không gian đô thị theo hướng sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tiết kiệm đất đai. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu chiến lược là từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị Việt Nam phát triển theo mạng lưới đô thị, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại và có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt, có nền kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc và có mối quan hệ và vị thế

xứng đáng, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế, góp phần thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Chính phủ khuyến khích các Bộ, ngành, địa phương chủ động nghiên cứu, hợp tác, học tập kinh nghiệm của các nước áp dụng các mô hình phát triển bền vững và quản lý đô thị hiện đại trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam để phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Theo Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải, để cho các đô thị phát triển bền vững trong thế kỷ XXI, các đô thị của Việt Nam cần thân thiện với con người, môi trường, tiết kiệm năng lượng, an toàn trước hiểm họa của thiên nhiên và có bản sắc văn hóa đặc trưng. Phó Thủ tướng bày tỏ hy vọng, từ hội thảo này, trên tinh thần hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm, mối quan hệ hợp tác sẽ được tiếp tục phát triển có hiệu quả và cùng nhau tìm ra những giải pháp trong dự báo, trong quy hoạch, trong thiết kế đô thị và xây dựng, phát triển đô thị bền vững, thịnh vượng và giàu bản sắc.

Phát biểu tại Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, tính đến tháng 6/2012, mạng lưới đô thị của Việt Nam có 760 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt 31% và sẽ đạt xấp xỉ 45% trong 10 năm tới, khu vực đô thị hàng năm đóng góp khoảng 70% GDP, đô thị ngày càng đóng vai trò động lực, hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi vùng, mỗi địa phương và cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, các đô thị Việt Nam cũng đang đứng trước những khó khăn, thách

thức lớn, đó là sự phát triển còn chưa bền vững, thể hiện trước hết qua công tác quy hoạch: các quy hoạch còn thiếu, còn chậm so với yêu cầu phát triển của đô thị; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chậm được triển khai và thiếu đồng bộ làm ảnh hưởng đến chất lượng đô thị, môi trường đô thị còn nhiều vấn đề bức xúc và ùn tắc giao thông là vấn đề đang cản trở sự phát triển, đặc biệt là các yêu cầu về nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, giảm chi phí và tiêu hao năng lượng, kiểm soát ô nhiễm môi trường là những thách thức ngày càng gay gắt.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho rằng, Hội thảo này là cơ hội tốt để tiếp cận với những kinh nghiệm phát triển đô thị bền vững của các nước phát triển, đồng thời chia sẻ thông tin về thực trạng phát triển hệ thống đô thị của Việt Nam, đồng thời bày tỏ mong muốn, Hội thảo sẽ tạo được cầu nối giữa các nhà cung cấp giải pháp công nghệ hàng đầu thế giới phục vụ phát triển đô thị với các nhà quản lý đô thị và nhà đầu tư tại Việt Nam.

Tại hội thảo, ông Lothar Herrmann đã thay mặt Tập đoàn Siemens trình bày tham luận về những thách thức và cơ hội đối với sự phát triển bền vững của các đô thị Việt Nam; đồng thời các chuyên gia của hai bên cũng tham dự buổi tọa đàm về các giải pháp công nghệ, khả năng ứng dụng và hiệu quả trong phát triển các thành phố thông minh và bền vững tại Việt Nam trong tương lai.

Minh Tuấn

Cải tạo trong xây dựng đô thị: Chiến lược, nguyên tắc và biện pháp

Việc đổi mới công tác xây dựng tại các trung tâm cổ của các đô thị gắn liền với sự cần thiết để xuất các cách tiếp cận khác nhau áp dụng cho việc lập lại trật tự xây dựng tại các khu vực

này. Việc tham khảo kinh nghiệm trong nước và nước ngoài trong thực hiện công tác cải tạo trong xây dựng đô thị (XDĐT) cho phép xác định 3 cách tiếp cận phát triển trung tâm cổ của

đô thị là: “Phương pháp châu Âu đại lục”, “Phương pháp Anh của khu vực châu Âu” và “Phương pháp Mỹ”.

“Phương án châu Âu đại lục” (phương án bối cảnh) được gắn với việc buộc cái mới phải theo cái cũ trên quy mô lớn, với sự bảo tồn tính toàn vẹn của văn cảnh trung tâm cổ, với sự biến đổi một cách tế nhị trong khu vực trung tâm cổ kèm theo sự tuân thủ chặt chẽ các quy luật vùng, giới hạn chiều cao đối với các công trình xây mới. Đối với phần lớn các trường hợp, phương án châu Âu đại lục dựa trên cơ sở nền văn hoá XDĐT đã hình thành qua nhiều thế kỷ, tuy nhiên đôi khi có thể được lý giải bởi điều kiện địa lý của địa điểm. Ví dụ, quy mô xây dựng của phần lớn các đô thị cổ ở Hy Lạp vẫn được bảo tồn xuất phát từ các đặc điểm về động đất của khu vực. Tại thành phố Aphin rất hiếm khi gặp công trình xây dựng cao trên 6 tầng. Tại các đô thị còn lại (Olympya, Delpha,...) chiều cao xây dựng giới hạn ở 2 - 3 tầng.

Theo “Phương án Anh của châu Âu” (phương án sắc thái) đô thị nhận được một hệ thống các điểm nhấn mới và các định hướng mới tạo nên một bức tranh biện chứng về đô thị thời kỳ hậu Hiện đại. Khu phố cổ Luân Đôn vẫn bảo tồn quy hoạch hình thành trong quá trình phát triển thành phố cho đến giữa thế kỷ XIX, tuy nhiên quy hoạch thường xuyên được điều chỉnh đổi mới tại từng khu vực nhằm đưa các toà nhà và tổ hợp công trình mới vào hệ thống các công trình xây dựng của ô phố.

Tiền đề cho việc đổi mới một cách khoa học môi trường kiến trúc - lịch sử được xây dựng trên cơ sở những yếu tố sau:

- Chiều dày lịch sử lâu đời của đô thị và nền văn hoá XDĐT đã được hình thành;
- Trình độ đào tạo kiến trúc và thể chế quốc tế của trường phái kiến trúc;
- Sự hỗ trợ của nhà nước đối với kiến trúc sư và thái độ của cộng đồng đối với nghề nghiệp và kiến trúc nói chung;
- Hiệu lực của các luật lệ tại vùng và sự chấp hành đầy đủ của các kiến trúc sư thực hành;

“Phương án Mỹ” (sự tương phản) dẫn đến sự xây dựng đan xen trong đó khái niệm sự toàn vẹn của môi trường kiến trúc - lịch sử không còn ý nghĩa “Chiến lược đổi mới môi trường kiến trúc - lịch sử 2008”, còn hiện tượng công trình xây dựng cổ kết cấu nhỏ đứng ngay bên cạnh tổ hợp nhà cao tầng đã trở thành chuẩn mực thực tế.

Biến đổi bộ khung đô thị và biến đổi cấu trúc là hai cực của công tác cải tạo trong XDĐT đối với bất cứ một đô thị nào. Việc cải tạo bộ khung đô thị bao gồm việc đổi mới cấu trúc quy hoạch đô thị trong đó có sự liên kết đường giao thông dành cho người đi bộ và cả cấu trúc bố cục của khung đô thị nhằm thể hiện “sự ghi nhớ về văn hoá đối với địa điểm”, đạt được sự nhận thức và tính độc đáo của đô thị cổ, bảo tồn những khu vực “dễ vỡ” của môi trường.

Các nguyên tắc quy hoạch cải tạo trong XDĐT như sau:

- Mở thêm các đường phố và đường đi để cải thiện sự kết nối của các đường giao thông dành cho người đi bộ tại trung tâm cổ của đô thị (các biện pháp triệt để và cục bộ);
 - Mở rộng chỉ giới đường đỏ của công trình xây dựng tại các đoạn đường phố cổ do sự phá vỡ các công trình hư hỏng có ít giá trị;
 - Tổ chức hệ thống đường đi bên trong ô phố mà ở nước ngoài các đường đi này thuộc sở hữu tư nhân nhưng cộng đồng có quyền sử dụng để đi qua khu vực vào ban ngày. Điều đó sẽ giúp điều tiết dòng người đi qua khu vực ô phố;
 - Tổ chức các phố thương mại lớn dành cho người đi bộ bên trong không gian ô phố (hướng giao thông kiểu giao cắt hình chữ thập, giao thông kiểu con lắc và giao thông đi xuyên);
- Các trung tâm cổ của thành phố Pari (Pháp) và Barcelona (Tây Ban Nha) là ví dụ về sự biến đổi triệt để mang tính hệ thống đối với cấu trúc quy hoạch đô thị. Các đường phố lớn xuyên qua khu vực các công trình xây dựng cổ theo hướng đường rẽ quạt bảo đảm sự dễ dàng tiếp cận trung tâm cổ và giải tỏa cho các đường phố của phố cổ mà không phải tính đến các dòng lưu thông của các phương tiện giao thông hiện đại.

Nhìn chung, việc quy hoạch lại trên cấp XDĐT là nhằm hợp lý hoá việc kết nối các đường cho người đi bộ và liên quan đến vấn đề lưu thông của ô tô, các điểm đỗ xe và sự lưu thông của người đi bộ. Sự lưu thông của ô tô gặp khó khăn đa phần là do sự cần thiết phải bảo tồn chỉ giới đường đỏ của công trình xây dựng tại các khu phố cổ của đô thị; vấn đề được giải quyết thông qua một số biện pháp sau:

- Tổ chức giao thông một chiều trong đó sự lưu thông của các phương tiện giao thông tại hàng loạt các đường phố của phố cổ được tổ chức chỉ lưu thông theo một chiều;

- Tổ chức các đường vòng tránh theo một số phương án tùy theo cấu trúc quy hoạch của đô thị, như sau:

- + Trung tâm đi bộ của đô thị trong đó sự lưu thông của các phương tiện giao thông như tại một số đô thị châu Âu vào thời kỳ Trung thế kỷ hầu như bị cấm;

- + Đường vòng tránh lớn nhằm dẫn hướng cho dòng lưu thông trung chuyển đi ra từ khu vực trung tâm cổ của đô thị;

- + Các đường lớn chạy song song giải tỏa cho khu vực trung tâm cổ;

- Tổ chức các tuyến đường có trả tiền;

Việc lưu thông của người đi bộ tại khu vực trung tâm cổ được giải quyết thông qua tổ chức các phố đi bộ và khu vực đi bộ của đô thị. Nhìn chung, các khu vực đi bộ của trung tâm cổ của đô thị được thiết kế theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc điểm đến theo đó đây là nơi dành cho những người đến vì mục đích đi bộ dạo chơi;

- Nguyên tắc giao lưu kết nối các cụm đầu mối quan trọng được gắn đầy đủ các chức năng XDĐT;

Các biện pháp tổ chức khu vực đi bộ như sau:

- Tổ chức các cực sao cho trên đường lưu thông nối các cực này hình thành sự tuần hoàn của các dòng lưu thông và tạo ra một chương trình chức năng rõ ràng;

- Chia nhỏ đường phố bằng các công cụ

thiết kế cảnh quan thành các khu vực không gian riêng biệt sao cho mỗi khu vực không gian đó có một điểm nhấn của mình;

- Chỉnh trang đường phố về mặt phong cảnh tạo nên sức thu hút đối với khách thăm quan;

- Tổ chức các khu vực nghỉ ngơi yên tĩnh dành cho người dân đô thị tại các khu vực thăm quan các di sản;

- Tổ chức các chỗ dạo chơi có mái che dành cho người đi bộ;

Do có tính hoạt động xã hội rất cao nên các trung tâm cổ của đô thị có khả năng thu hút người dân đô thị và khách du lịch, làm nảy sinh sự cần thiết tổ chức thêm các chỗ để xe. Việc giải quyết các vấn đề về chỗ để phương tiện giao thông có thể được thực hiện bằng các biện pháp sau:

- Sử dụng không gian ngầm (bên dưới quảng trường, vườn hoa) để tổ chức chỗ để xe có máy trả tiền tự động, từ đó thang máy đưa khách ra bên ngoài;

- Tổ chức các chỗ đỗ phương tiện giao thông công cộng dọc theo chu vi của khu vực đi bộ;

- Trong khu vực trung tâm cổ chỉ thiết kế các chỗ để xe ngầm và bến đỗ xe ngầm;

- Phát triển và tự động hoá hệ thống các chỗ cho thuê xe đạp;

Một vấn đề quan trọng khác đối với khu vực các trung tâm cổ của đô thị là việc bảo tồn và sự hình thành một cách đầy đủ cấu trúc bố cục của các khu vực dân cư trên quy mô XDĐT mới. Tự trung lại các nguyên tắc về mặt bố cục áp dụng cho việc đổi mới các trung tâm cổ của đô thị như sau:

- Thiết lập các định hướng mới, các điểm nhấn mới mà không gây khó khăn cho sự thụ cảm thẩm mỹ các công trình xây dựng cổ kính nhưng có thể đem lại một quy mô mới cho đô thị hiện đại;

- Tạo nên một nền mới tại ngưỡng cửa đi vào khu vực trung tâm cổ trong đó chiều cao của phòng này không gấp trên hai lần so với công trình cổ;

Ví dụ, tại Luân Đôn các điểm nhấn mới xuất

hiện trong toàn cảnh của thành phố nhìn từ phía sông Thêm như: Toà nhà của Cty R. LLoyd, đu quay London Eye, toà tháp Mary, toà nhà mới của Toà thị chính Luân Đôn cùng với những công trình khác góp phần thúc đẩy sự đổi mới một số phong cảnh và toàn cảnh bên ngoài của đô thị trên một quy mô mới, nhưng ít ảnh hưởng đến các bức tranh phong cảnh bên trong có tác dụng bảo tồn hệ thống màu sắc của “đô thị cũ”.

Không chỉ các bộ phận của cấu trúc bố cục mà cả môn địa danh học địa phương cũng được sử dụng cho việc nhận thức và thể hiện tính độc đáo của đô thị cổ, góp phần bảo tồn và phát triển các đặc tính độc đáo và đặc sắc của đô thị. Hiện nay, địa danh học đang hướng vào một số mục tiêu sau:

- Quảng bá cho “lịch sử của địa điểm” do đó đề xuất sử dụng địa danh học cho việc đặt tên các quán cà phê mùa hè, các cửa hàng bách hoá, các cửa hàng ăn uống,...

- Quảng bá cho kiến trúc hiện đại của đô thị như một loại hình kiến trúc vừa đặc trưng lại vừa không bị lặp lại do đó điều cần thiết là phải loại trừ các kiểu xây dựng điển hình tại khu vực các trung tâm cổ của đô thị.

Các đối tượng dễ bị thương tổn vào thời điểm hiện tại tại các trung tâm lịch sử của đô thị là các công trình di tích kiến trúc được xây dựng bằng gỗ mà nếu xét về mặt kỹ thuật thì phần lớn các công trình đó được xếp vào loại công trình cũ bị hư hỏng. Một trong các phương pháp bảo tồn công trình kiến trúc gỗ là xây dựng các “bảo tàng ngoài trời” theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc sắp xếp theo niên đại trong đó nêu bật các công trình và hạng mục công trình theo các niên đại khác nhau;

- Nguyên tắc tập ô học trong đó nêu bật các công trình xây dựng có cùng công năng;

Các bảo tàng nghệ thuật kiến trúc gỗ ngoài trời có thể được xây dựng tại:

- Các khu vực ngoại vi của trung tâm cổ của đô thị;

- Trên cơ sở các quần thể đường phố cổ và các ô phố cổ;

- Tại các khu vực bên trong đô thị là nơi các công trình kiến trúc cổ được di dời đến để phục vụ việc trưng bày;

Những nhiệm vụ của công tác cải tạo trong XDĐT gồm có bảo tồn và thể hiện di tích văn hoá của địa điểm trong môi trường đô thị hiện đại. Ngoài các công trình kiến trúc, sự trưng bày các di sản khảo cổ và các phần còn lại của di sản khảo cổ cũng góp phần thúc đẩy giải quyết các nhiệm vụ đặt ra. Các phương pháp bảo tồn “di tích văn hoá của địa điểm” được tập trung vào việc:

- Tổ chức các cuộc trưng bày theo chủ đề tại các bảo tàng khảo cổ dạng nổi hoặc ngầm;

- Tổ chức trưng bày phần còn lại của di tích trong bối cảnh đô thị với tư cách là những “nhân chứng” chân thực của lịch sử (phần di tích còn lại của cầu, của di tích khai quật, các mảnh vỡ của di tích,...);

- Tổ chức trưng bày theo chủ đề trong bảo tàng ngoài trời trong đó nhiều di tích được thay thế bằng bản sao;

- Tổ chức trưng bày bên trong các gian phòng trong đó các di vật được bảo vệ chống lại các tác động có hại của môi trường xung quanh;

- Tổ chức trưng bày tại các điểm trung chuyển (ga tàu điện ngầm, đường vượt ngầm, các molla ngầm,...);

Các cuộc trưng bày tại các điểm trung chuyển được thực hiện lần đầu tiên vào những năm 1980 tại các đô thị cổ nơi lưu giữ các tầng văn hoá tương đối cổ kính với các di tích của nền văn hoá đó thuộc về thời kỳ cổ đại (như ở các thành phố Aphin (Hy Lạp) và Sophia (Bulgary)). Kinh nghiệm tương tự là nhà ga tàu điện ngầm thành phố Sophia nơi bố trí thêm các phòng bảo tàng chuyên dụng.

Cùng với sự phổ biến rộng rãi của lý luận thời kỳ Hậu hiện đại khuyến khích thái độ trân trọng đối với lịch sử, những ví dụ tương tự nêu trên cũng đã xuất hiện tại LB Nga. Ví dụ, tại quảng trường Manez trong quá trình thi công tổ hợp công trình thương mại - nghỉ dưỡng ngầm

đã phát hiện một số lượng lớn hiện vật khảo cổ (thế kỷ XV-XVII) và sau đó bảo tàng khảo cổ diện tích 800 m² dưới mặt đất đã được xây dựng. Bảo tàng trưng bày di vật nhà ở cổ đại, các xưởng sản xuất kể cả cây cầu Voskresenye xây bằng đá bắc qua sông Neglinka (thế kỷ XVII). Tại đường vượt ngầm dẫn sang quảng trường Starui đã khai trương một khu vực trưng bày phần nền đá trắng của toà tháp Varvaskyi trên tường thành Kytai-Gorod. Thêm một phương án trưng bày hiện vật khảo cổ trong không gian ngầm đã được tìm thấy tại bảo tàng "Cung điện ở Zariad" nơi những chiếc lò bằng gốm thế kỷ XV - XVI thuộc nhà vườn của F. N. Romanov đã được mở ra cho việc trưng bày trong những căn phòng được xây dựng ngầm một cách riêng biệt.

Tại khu vực điện Kremlin ở thành phố Kazan các công tác khảo cổ tổng hợp cũng đã được thực hiện; nhiều hiện vật khảo cổ và phần còn lại của cung điện Khanskyi đã được phát hiện và đưa ra trưng bày kể cả việc xây dựng nhà thờ hồi giáo trong điện Kremlin.

Quy mô và đặc tính của những cải cách về XDĐT đang được thực hiện xét cho cùng được quyết định bởi nhu cầu, sự đầu tư và các chương trình phát triển các đô thị cổ mà gắn với nhu cầu và sự đầu tư đó. Tại các đô thị thủ đô như Mátxcova, Xanh-Pêtecbua và Kazan hoạt động cải tạo trong XDĐT bao trùm các khu vực lãnh thổ rộng lớn của đô thị và được thực hiện thông qua phương pháp cải tạo tổng hợp theo các cụm đầu mối. Phương pháp này đề xuất việc cải tạo các khu vực rộng lớn nhằm tạo ra các trung tâm đầu mối đô thị nhiều chức năng hoặc đơn chức năng. Đặc tính có thể thay đổi được của các giải pháp trong bảo tồn quy mô của môi trường hoặc ngược lại, các đồ án quy mô lớn làm nổi bật sự khác biệt về kiến trúc hiện đại của đô thị thủ đô ở nước Nga. Tại thành phố Kazan từ nhiều thập niên đã triển khai thực hiện việc cải tạo quy mô lớn gắn với Chương trình xoá bỏ nhà ở cũ hư hỏng đã được Tổng thống phê duyệt. Cơ sở cho việc soạn

thảo chiến lược cải tạo là kết quả các cuộc lấy ý kiến của các nhóm chuyên gia khác nhau (các nhà quản lý, các nhà đầu tư, các nhà thiết kế). Quỹ nhà ở quốc gia với các nguồn vốn ngoài ngân sách đã được thành lập để hỗ trợ việc cấp kinh phí cho các công tác; Quỹ còn được bổ sung nguồn tài chính từ thuế và các chương trình nội bộ khác. Tại các đô thị trực thuộc tỉnh việc cải tạo được thực hiện theo phương pháp tổng hợp bối cảnh; việc xây dựng các quần thể công trình lớn có ý nghĩa quan trọng đối với việc XDĐT đã không được thực hiện. Nhiệm vụ chủ yếu của kiến trúc sư là thiết kế các ô phố nhà ở mà không phải là các trung tâm văn hoá hoặc trung tâm công cộng.

Như vậy, tại các đô thị rất lớn hoặc các đô thị thủ đô thì các đối tượng được cải tạo trước tiên là các trung tâm trong bộ khung của đô thị cổ, còn tại các đô thị ngoại vi thì các tế bào của đô thị được đổi mới. Việc xác định chức năng cho các khu vực được cải tạo được xem là nhiệm vụ của việc cải tạo đồng bộ. Các nguyên tắc chức năng của việc cải tạo trong XDĐT bao gồm:

- Làm cho khu vực trở nên sinh động hơn về mặt chức năng với sự hoạt động xã hội giảm dần thông qua việc tạo ra các điểm thu hút mới;
- Tập trung các chức năng thương mại ở khu vực ngoại vi các trung tâm cổ của đô thị và hình thành các quần thể XDĐT mới;
- Ưu tiên cho chức năng văn hoá tại khu vực lõi cổ của trung tâm;
- Cải tạo các công trình công nghiệp thành công trình có chức năng văn hoá và du lịch;

Khu Defance ở Pari (Pháp) đã từng là khu vực triển khai theo chương trình các ý tưởng tạo ra trung tâm thương mại tại khu vực là ngưỡng cửa đi vào lõi cổ của đô thị. Một bức tranh tương tự nhưng phần nào đã được bố trí phân tán hơn cũng được nhận thấy tại thành phố Bruxel (Bỉ) nơi các trung tâm thương mại với các chức năng khác nhau được bố trí dọc theo các đường hướng tâm đi ra từ trung tâm đô thị, dọc theo các đường gom của tuyến đường vành đai.

Để tiếp tục phát triển cấu trúc chức năng của các trung tâm cổ của đô thị thì cần phải thực hiện điển hình luận công trình xây dựng. Khác với các đô thị châu Âu và Mỹ, việc điển hình luận nhà ở xây mới mà còn chưa được xây dựng tại khu vực các trung tâm cổ của các đô thị nước Nga cho thấy đó là các loại công trình sau:

- Công trình xây dựng kết cấu dạng khung loại tiết kiệm trong môi trường của công trình xây dựng bằng gỗ đang được bảo tồn;
- Công trình đơn lập đạt tiêu chuẩn cao có trải thảm dành cho việc bố trí đưa những người có thu nhập cao trở về sống tại đô thị;
- Nhà hợp khối kiểu "Town-House" sử dụng cho việc xây dựng công trình thay thế đồng bộ;

Những kiểu nhà nêu trên có tác dụng thúc đẩy trước hết là việc bảo tồn trên quy mô lớn môi trường của các trung tâm cổ của đô thị. Bên cạnh đó, giới đầu tư cho rằng do giá đất tại các trung tâm cổ của đô thị tăng cao nên việc xây dựng nhà thấp tầng sẽ không đem lại lợi nhuận. Việc khảo sát giá cho thấy giá bất động sản tại khu vực trung tâm cổ cao hơn nhiều so với khu vực ngoại vi đô thị do vậy các nhà đầu tư vẫn có thể thu được lợi nhuận từ xây dựng nhà thấp tầng trong khu vực này.

Sự phân vùng chức năng cho các trung tâm cổ của đô thị bao gồm cả các vấn đề phát triển khu cây xanh và chỉnh trang khu vực kể cả việc tìm kiếm nguồn đất dự trữ sử dụng cho việc tổ chức các vườn cây nhỏ mới và các túi cây xanh, chỉnh trang các khu vực ven bờ mà đây là những vấn đề rất cấp thiết đối với các đô thị được phát triển tại các khu vực hai bên bờ sông Volga và chỉnh trang các khu vực dành cho người đi bộ.

Các biện pháp cải tạo trong XDĐT được áp dụng cho tình huống tổ chức "lối ra mặt nước" cho đô thị cần phải tập trung vào những nội dung sau:

- Chỉnh trang các khu vực ven bờ với mục tiêu làm nổi bật hơn trung tâm cổ của đô thị;
- Quy hoạch công trình xây dựng mới theo hướng vuông góc với mặt nước để loại trừ hiện

tượng che chắn công trình cổ như đã từng xảy ra tại thành phố Saratov;

Công tác chỉnh trang các khu vực đi bộ của đô thị đòi hỏi phải:

- Tổ chức các mặt bằng quan sát được trang bị thiết bị nâng để tạo ra cái nhìn toàn cảnh tại các đô thị có mặt bằng cảnh quan phức tạp;

- Sử dụng các điểm nhấn có chiều cao lớn bao gồm cả nhà và công trình cao tầng để tổ chức mặt bằng quan sát tại các đô thị có địa hình tương đối bằng phẳng;

- Dự trữ đất tại khu vực có công trình cổ để sử dụng cho việc bố trí vườn cây nhỏ hoặc khu đất cây xanh nhỏ;

- Trang bị các tiện nghi cho sân nghỉ dành cho các nhóm dân cư khác nhau kể cả sân chơi (sân chơi ván trượt) cho lứa tuổi thiếu niên; điều đó sẽ nâng cao tiện nghi cho môi trường nói chung và giảm rủi ro từ các hành vi phá phách;

- Nâng cao chất lượng môi trường của các trung tâm cổ bằng cách bố trí xen kẽ các phòng trưng bày và các công trình xen kẽ khác giữ vai trò là các định hướng nhỏ trong không gian của các trung tâm cổ của đô thị;

- Tổ chức chiếu sáng nghệ thuật vào ban đêm tại các đường phố chính và khu vực đi bộ với hai chế độ chiếu sáng là hàng ngày và ngày lễ;

- Sử dụng tranh đồ họa kích thước lớn được thực hiện có chất lượng và tính chuyên nghiệp cho việc trang trí" mặt trước nhà có ít tính thông tin và các bộ phận của nhà và tạo điều kiện cho việc dễ dàng định hướng trong môi trường của các trung tâm cổ của đô thị;

Như vậy, những phân tích nêu trên cho thấy phương pháp luận mang tính nguyên tắc cho việc quy hoạch cải tạo trong XDĐT phụ thuộc vào quy chế của đô thị mà quy chế của đô thị đôi khi lại được xác định bởi sự hiện diện của các quần thể XDĐT lớn (như điện Kremlin chẳng hạn) trong môi trường mang đặc tính cổ kính tại khu vực trung tâm của đô thị. Cải tạo trong XDĐT là tổ hợp của các biện pháp quy

hoạch chiến lược áp dụng cho các khu vực lãnh thổ của các trung tâm cổ của đô thị và nhằm mục tiêu đổi mới môi trường kiến trúc - lịch sử của các trung tâm này. Đổi mới được hiểu là sự biến đổi tất cả các yếu tố của đô thị từ các yếu tố “khung” cho đến “tế bào” của đô thị. Sự biến đổi có thể bao gồm cả sự thay đổi trong cấu trúc quy hoạch, cấu trúc bố cục và cơ cấu chức năng của trung tâm cổ của đô thị. Việc sử dụng các nguyên tắc và các phương pháp khác nhau của

việc cải tạo trong XDĐT tại các khu vực trung tâm cổ của đô thị sẽ cho phép làm giàu thêm cho môi trường kiến trúc - lịch sử của các trung tâm này và dự báo được những xu hướng phát triển chính của các trung tâm cổ của đô thị.

T.V. Vavylonskaya

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng Nga, số 9/2009

Dịch và biên tập: H. Phước

Phân tích việc quản lý sử dụng rác thải xây dựng của thành phố Đông Dương, tỉnh Triết Giang - Trung Quốc

Cùng với tốc độ đô thị hóa, không ít thành phố của Trung Quốc đã không ngừng xây dựng mới và cải tạo các công trình kiến trúc cũ với quy mô lớn, song cùng với các hoạt động đó là có một lượng lớn rác thải được sinh ra. Hiện nay, nhìn chung số rác thải xây dựng ở Trung Quốc chỉ được xử lý bằng các phương pháp và công nghệ cũ kỹ, lạc hậu; do đó một lượng lớn rác thải xây dựng đã không được xử lý và tận dụng triệt để - là nguyên nhân gây ra ra những hiểm họa tiềm ẩn cho xã hội. Ngoài ra, rác thải xây dựng không chỉ chiếm dụng một phần đáng kể diện tích đất, mà còn đòi hỏi các chi phí khác cho việc xử lý. Thêm vào đó, quá trình vận chuyển và thu gom rác thải xây dựng còn có hiện tượng rơi, vãi, phát sinh bụi bẩn... làm cho môi trường bị ô nhiễm trầm trọng, đồng thời, việc chôn lấp rác thải còn làm phá hỏng địa tầng, dẫn đến sụt lún bề mặt đất, tạo ra không ít nguy hiểm.

Ở thành phố Đông Dương, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc, có một công ty chuyên phá dỡ nhà ở. Công ty này đã nhận thầu phá dỡ và xử lý rác thải trong một dự án phá dỡ và cải tạo khu phố cũ Hồng Xuân, công ty không những đã thực hiện phá dỡ một cách chuyên nghiệp, mà còn có kinh nghiệm trong việc biến rác thải thành nguồn nguyên liệu hữu ích.

Bài viết này chủ yếu đề cập tới vấn đề xử lý rác thải xây dựng, đề ra một số biện pháp xử lý và kiến nghị đối với Chính phủ và cơ quan chức năng. Nội dung bài viết đã được tác giả thu thập và điều tra kỹ lưỡng dựa trên cơ sở thực tiễn phân tích tình hình xử lý rác thải của Trung Quốc, qua việc xử lý rác thải xây dựng trong dự án phá dỡ phố cũ Hồng Xuân.

I. Khái quát dự án phá dỡ khu phố cũ Hồng Xuân

Diện tích xây cần phá dỡ trong dự án này là hơn 300 nghìn m², các tòa nhà có kết cấu chằng chịt với nhau, hệ thống đường ống ngầm và trên mặt đất khá phức tạp, khiến cho việc phá dỡ phải đối mặt với không ít khó khăn. Do thực hiện đúng trình tự và đảm bảo an toàn nên dự án phá dỡ đã đạt hiệu quả kinh tế, tận dụng đầy đủ và hợp lý rác thải xây dựng. Trong khu phố cổ này, chỉ riêng trung tâm thương mại Bách Hóa Đại Lâu, Trung tâm điện máy và một số trung tâm mua bán khác, lượng rác thải bê tông đã chiếm khoảng từ 50-60%, số còn lại là kim loại, gạch...; Đối với các tòa nhà cũ của người dân, chiếm đến 80% là cấu trúc gạch, ngói vụn, số còn lại là vật liệu gỗ, vôi, kính vỡ... Nhìn chung, rác thải xây dựng trong dự án cải tạo khi phố cũ chủ yếu là các khối gạch, bê tông vữa, vữa vụn, kim loại vụn (cốt thép), gỗ...

II. Hiện trạng xử lý rác thải xây dựng

Căn cứ vào quy định quản lý rác thải xây dựng của thành phố Đông Dương, trước khi xử lý rác thải xây dựng, đơn vị xây dựng phải làm một số thủ tục có liên quan. Tiếp đến là đơn vị vận chuyển rác thải xây dựng phải được cơ quan quản lý vệ sinh môi trường thành phố Đông Dương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về năng lực và giấy phép hoạt động, nếu đơn vị nào không đạt yêu cầu, sẽ không được cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ vận chuyển rác thải xây dựng. Xe vận chuyển rác phải được che đậy cẩn thận, phải nghiêm chỉnh chấp hành đúng quy định về thời gian, địa điểm, tuyến đường vận chuyển rác thải. Địa điểm tập kết rác thường nằm ở khu vực ngoại thành như các hố sâu và rộng đã có từ trước, ao hồ bỏ trống... đồng thời, căn cứ vào những văn bản có liên quan để đưa ra tiêu chuẩn giá vận chuyển phù hợp với giá thị trường. Dự án phá dỡ khu phố cũ Hồng Xuân là một dự án có quy mô lớn, nên số lượng phế thải xây dựng trong dự án này khiến người ta phải kinh ngạc, chỉ có một cách duy nhất là phải tận dụng nguồn rác thải này và biến nó thành nguồn tài nguyên hữu ích.

Thành phố Đông Dương nằm ở vùng Trung bộ của tỉnh Triết Giang, nằm trong khu vực có các ngành công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ như: công nghiệp luyện kim, công nghiệp gia dụng... Dựa vào đó, công ty này đã phát huy thế mạnh của mình, xử lý một cách tốt nhất đối với lượng rác thải xây dựng trong dự án, hình thành nên dây chuyền sản xuất công nghiệp độc đáo, tỷ lệ thu hồi và tái chế rác thải đạt trên 90%. Cụ thể phân tích như sau:

1. Phế liệu kim loại

Đối với phế liệu cốt thép, dây sắt, dây điện, kim loại được lấy từ cửa sổ và cửa ra vào và các loại phế liệu kim loại khác, sau khi thông qua các khâu phân loại chọn lọc, tập trung, tiếp đến là cho vào lò nung chảy và gia công thành các loại sản phẩm phép hoặc kim loại đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2. Phế liệu gỗ

Chủ yếu bao gồm những phế liệu: khung cửa sổ và cửa ra vào bằng gỗ, kết cấu dầm cột bằng gỗ... . Đối với phế liệu gỗ cũ có thể dùng để chế tạo ra các loại ván nhân tạo, với những phế liệu gỗ đã bị phân hủy do thời gian sử dụng quá dài hoặc không còn những đặc tính cơ bản của gỗ, sẽ được chuyển đi thiêu đốt, chuyển hóa thành năng lượng. Một số đồ nội thất, khung gỗ điêu khắc... được bảo quản tốt, có thể sử dụng phục vụ cho việc sửa chữa hay tu sửa sau này trên những vật liệu bằng gỗ, ngoài ra, những sản phẩm điêu khắc còn có giá trị cao đối ngành công nghệ điêu khắc về mặt nghiên cứu.

3. Phế liệu gạch, ngói, vữa vụn

Đối với những viên gạch, viên ngói còn nguyên vẹn, sau khi được xử lý qua, có thể sử dụng để xây nhà kho, tường vây, lợp mái... . Ngoài ra, tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng, có thể dùng những phế thải vụn nát để san bằng vào những khu vực đất trống, rải nền móng đường quốc lộ... . Do những vật liệu này không có tính dính kết, độ hút ẩm tốt, khi tiếp xúc với nước không bị dẫn nở, không co ngót, là vật liệu thi công đường giao thông có tính ổn định cao. Hơn nữa, trong môi trường ẩm ướt, loại phế thải này còn sử dụng làm tầng đệm nền móng, mang lại hiệu quả sử dụng cao.

4. Phế thải bê tông, đá

Rác thải bê tông sau khi được đập nát, có thể thay vật liệu cát sỏi, trực tiếp dùng để thi công đường giao thông, làm tầng đệm nền móng. Thực tiễn đã chứng minh, sau khi phân loại chọn lọc và loại bỏ rác thải xây dựng, dùng những vật liệu đã được nghiền nát trộn theo tỷ lệ tiêu chuẩn của cát 1:1 để làm cốt liệu, dùng làm vữa xây, vữa trát, thông qua kiểm tra chất lượng vữa cho thấy, vữa có cường độ cao, đáp ứng với nhu cầu trong xây dựng.

III. Toàn bộ quá trình xử lý tối ưu rác thải xây dựng

Cái gọi là toàn bộ quá trình, được thể hiện từ công đoạn chuẩn bị cho đến công đoạn hoàn

tất việc phá dỡ. Tối ưu tức là tận dụng triệt để, đảm bảo tính tuần hoàn của rác thải xây dựng một cách toàn diện. Biểu hiện ở các phương diện sau:

Trước tiên, phải xử lý rác thải sinh hoạt trước khi phá dỡ, tránh để lẫn với rác thải xây dựng. Tiếp đến, là thực hiện phá dỡ đúng trình tự, đúng kỹ thuật, đảm bảo có thể phân loại rác thải xây dựng, việc chọn lựa các phương tiện máy móc phá dỡ, xác định độ cao phá dỡ... đều có thể đảm bảo tính phân loại và tính hoàn thiện giữa các vật liệu với nhau. Việc tập hợp và phân loại rác thải xây dựng như gỗ, bê tông, kính... sẽ nâng cao giá trị của rác thải xây dựng, vừa đáp ứng nhu cầu làm nền móng đường giao thông của thành phố, vừa không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

IV. Những vấn đề còn tồn tại và kiến nghị

Dựa vào tình hình thực tế phân tích cho thấy, rác thải xây dựng trong dự án phá dỡ khu phố cũ Hồng Xuân có tính tái chế cao, quản lý đúng quy định, không xảy ra hiện tượng tự ý xử lý, chôn lấp và chất đống lộ thiên. Nhưng còn tồn tại một số vấn đề: công nghệ xử lý rác thải còn tương đối lạc hậu, phần lớn rác thải xây dựng chỉ được chôn lấp qua loa. Quá trình phân loại tái chế, chất lượng máy móc phục vụ cho việc phá dỡ chưa cao, các doanh nghiệp xây dựng chưa thực sự xem rác thải xây dựng tái chế là nguồn vật liệu có thể đưa vào sử dụng. Hơn nữa, do chưa có tiêu chuẩn và quy định rõ ràng đối với lượng rác thải xây dựng được thải ra trong quá trình thi công của các doanh nghiệp thi công nên phần lớn rác thải xây dựng không có tính tuần hoàn cao. Do đó, căn cứ vào tình hình thực tế của khu vực, khi xử lý rác thải xây dựng, một mặt phải "xử lý một cách toàn diện, nâng cao tính tuần hoàn", nhưng mặt khác cũng phải có hệ thống chính sách hợp lý.

Trước hết cần tăng cường tận dụng toàn bộ rác thải xây dựng. Đồng thời, cũng phải hạn chế tối đa lượng rác được thải ra. Để làm được như vậy, đối với giai đoạn thiết kế, cần có những yêu cầu nghiêm ngặt đối với khâu thiết kế và

quy hoạch, tăng cường chức năng quản lý giám sát và kiểm tra phía thiết kế, đảm bảo có được phương án thiết kế tối ưu, để trong quá trình thực hiện sau này, đạt được mục đích giảm lượng rác thải xây dựng. Hơn nữa, cũng phải chú trọng tới việc lựa chọn những kỹ thuật mới, công nghệ mới, vật liệu mới có tính năng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Đối với giai đoạn thi công, trước hết phải đảm bảo chất lượng thi công, tăng cường quản lý kỹ thuật và đưa ra phương án thi công hợp lý, để trong quá trình thi công, hạn chế xảy ra những sai sót, đồng nghĩa với việc hạn chế lượng rác được thải ra. Đồng thời, cơ quan quản lý cũng cần đưa ra những chính sách hạn chế đối với phía đơn vị thi công, quy định lượng rác được phép thải ra đối với từng loại công trình, không được tự ý rút ngắn tuổi thọ công trình, nếu không sẽ khó mà kiểm soát được lượng rác thải xây dựng.

Tiếp đến, Chính phủ cũng phải tuyên truyền, hỗ trợ như ban hành các chính sách miễn thuế, giảm thuế để vật liệu xây dựng tái chế có thể duy trì và phát triển; không ngừng học hỏi kinh nghiệm tái chế rác thải từ các nước khác, từ các tỉnh thành trong cả nước, khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu và chế tạo thử những sản phẩm có nguồn gốc từ rác thải xây dựng.

V. Kết luận

Công nghệ xử lý rác thải xây dựng luôn chậm hơn so với tốc độ phát triển của thị trường và tốc độ gia tăng lượng rác thải xây dựng, do đó, việc tăng cường nghiên cứu, thay đổi công nghệ xử lý rác thải lạc hậu là việc làm rất cần thiết, hạn chế lượng nguyên vật liệu tự nhiên dùng vào trong xây dựng, thay vào đó là sử dụng những vật liệu tái chế một cách tối đa, qua đó vừa bảo vệ môi trường vừa nâng cao hiệu quả kinh tế và lợi ích của xã hội.

Trần Kiện Lan - Đan Huy

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 4/2012

ND: Bích Ngọc

Việc mở rộng và ứng dụng nhà ở kết cấu thép nhẹ

Nhà ở là do một loạt các yếu tố và điều kiện văn hóa như phương thức sinh hoạt, quan niệm giá trị, mức sống, vật liệu địa phương, môi trường khí hậu... của con người cấu thành. Thông qua thiết kế để tổ hợp cân bằng hàng loạt những yếu tố này, lấy con người làm gốc, lấy môi trường làm trung tâm, thỏa mãn hình thức hoặc kiến trúc cư trú hợp lý, xây dựng nhà ở xanh ít Cacbon, phát triển xây dựng nhà ở sinh thái là những mục tiêu mà mọi người cùng theo đuổi. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến việc ứng dụng kết cấu thép trọng lượng nhẹ để làm nhà ở đô thị và nông thôn.

I. Sự phát triển nở rộ của nhà ở kết cấu thép nhẹ

Từ nhiều năm nay, phương thức xây dựng nhà ở truyền thống của Trung Quốc thường gắn liền với lao động thủ công, năng suất thấp, thời gian xây dựng kéo dài, tiêu hao nhiều năng lượng và gây ô nhiễm môi trường. Thời gian gần đây, nhờ sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, đời sống của nhân dân Trung Quốc không ngừng được cải thiện, nhu cầu của người dân về nhà ở chất lượng cao, an toàn, tiện nghi, xanh, sạch ... càng ngày càng lớn.

Qua triển khai trong thực tế đã cho thấy, các loại nhà ở kết cấu thép nhẹ có thể đáp ứng yêu cầu của con người về một ngôi nhà lý tưởng. Nhà ở kết cấu thép không những có thể tạo ra không gian sử dụng thoải mái, an toàn, mà còn phát huy tác dụng quan trọng về phương diện nâng cao chất lượng xây dựng nhà ở và công nghiệp hóa. Hiện nay, diện tích nhà ở được hoàn thành mỗi năm ở các thành phố và thị trấn của Trung Quốc vào khoảng 600 triệu m², trong đó công trình sử dụng kết cấu thép chiếm không đến 5%. Trung Quốc là quốc gia có sản lượng sắt thép lớn, tuy nhiên kết cấu xây dựng sử dụng thép lại rất ít, công trình sử dụng kết cấu thép nhẹ lại càng ít, sự đối lập trong lượng tăng trưởng và lượng tiêu hao này đủ để cho

thấy kết cấu thép có một không gian phát triển rất lớn.

Cùng với sự phát triển không ngừng của xây dựng đô thị và nông thôn, lượng nhu cầu trong xây mới và cải tạo nhà ở cũng từng bước tăng lên, lựa chọn hình thức xây dựng nhà ở theo kết cấu thép nhẹ phù hợp với tình hình đất nước Trung Quốc là con đường hiệu quả thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa nhà ở kết cấu thép nhẹ. Những năm gần đây, có nơi đã tổng kết những kinh nghiệm trong xây dựng thí điểm và xây dựng mẫu cùng với những thành quả khoa học kỹ thuật về nhà ở kết cấu thép nhẹ, đặt nền tảng vật chất và khoa học kỹ thuật vững chắc cho nhà ở kết cấu thép nhẹ. Sự ra đời của quy hoạch “5 năm lần thứ 12” của Nhà nước Trung Quốc đã đánh dấu công nghiệp hóa nhà ở kết cấu thép nhẹ của Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển lịch sử mới, việc ban bố “Quy trình Kỹ thuật nhà ở kết cấu thép nhẹ” đã cung cấp những tiêu chuẩn và căn cứ cho việc xây dựng nhà ở kết cấu thép nhẹ.

II. Kỹ thuật xây dựng nhà ở kết cấu thép nhẹ của nước ngoài

Mỹ, Canada, Australia, Nhật Bản là những nước sử dụng khá sớm kết cấu khung thép để xây dựng nhà ở, dựa vào những ưu thế của nhà ở kết cấu thép nhẹ như tính kinh tế, tính an toàn, tính kháng chấn và chu kỳ xây dựng ngắn, ngày càng nhiều nhà khai thác nhà ở đã chuyển sang khai thác kinh doanh nhà ở kết cấu thép nhẹ, tương lai cho thị trường nhà ở kết cấu thép nhẹ cũng trở nên rộng lớn.

Tại Bắc Mỹ, khung xương cho các nhà ở kết cấu thép nhẹ sử dụng thép nhẹ mạ kẽm chế thành, thông thường ứng dụng khá nhiều cho nhà ở đơn hộ hai tầng hoặc nhà ở kiểu liền kề, nước Mỹ có hơn 100 doanh nghiệp chuyên sản xuất nhà ở khung thép nhẹ mạ kẽm, trong đó Công ty xây dựng Dietrich nổi tiếng đã khai thác hệ thống DBS, hệ thống kỹ thuật này có thể xây

dụng nhà ở kết cấu thép nhẹ nhiều tầng.

Công trình khung thép tấm mỏng của Nhật sử dụng công nghệ xây dựng mới khi kết hợp hàn nối thép nhẹ mạ kẽm kiểu tạo hình nguội, đây là một kiểu công nghệ nhà ở kết cấu khung xương, kiểu công trình khung thép tấm mỏng này chính là việc thay thế vật liệu khung bằng gỗ thành thép nhẹ mạ kẽm kiểu tạo hình nguội, hai sườn thép hình của tường, sàn và khung mái lắp đặt các loại vật liệu như ván ép, tấm thạch cao ..., theo thứ tự thông qua tổ hợp của kết cấu tiết diện phức hợp thực hiện tính năng kết cấu, tính năng chịu lửa, tính năng chịu bền, tính năng bảo ôn, tính năng cách âm và các tính năng khác.

Kỹ thuật nhà ở thép nhẹ BlueScope của Australia sử dụng thép hình thành mỏng, hình thành "hệ thống xây dựng BlueScope". Nó sử dụng tấm thép mạ nhôm kẽm cường độ cao, tường ngoài là tường phức hợp lõi kép, bên ngoài là tấm bê tông khí hoặc xi măng sợi tăng cường, bên trong sử dụng tấm thạch cao hoặc tấm Eterpan, ở giữa là lớp bảo ôn sợi bông thủy tinh, tấm sàn sử dụng ván ép vỏ bào, mái sử dụng ngói màu sắc.

Một số nước Châu Âu chú trọng kỹ thuật tiết kiệm năng lượng nhà ở. Nước Đức thực hành quy phạm tiết kiệm năng lượng xây dựng mới, trọng tâm của nó là từ kiểm soát chỉ tiêu cách nhiệt bảo ôn thấp nhất của kết cấu bảo vệ xây dựng đơn hạng chuyển sang kiểm soát đối với lượng tiêu hao năng lượng thực sự của công trình. Trọng điểm của Thụy Điển nằm ở việc tổ hợp kỹ thuật nhà ở và sản phẩm thành thực mà thực dụng, ứng dụng tối đa nguồn năng lượng tái tạo, tăng cường sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, địa nhiệt và năng lượng sinh vật

III. Kỹ thuật nhà ở kết cấu thép nhẹ của Trung Quốc

Từ những năm cải cách mở cửa trở lại đây, rất nhiều doanh nghiệp kết cấu thép đã tiếp thu những sản phẩm và kỹ thuật về kết cấu thép nhẹ của các nước phát triển, khiến cho nhà ở

kết cấu thép nhẹ cũng trở nên phát triển nhanh chóng. Hiện tại, sản lượng vật liệu thép của Trung Quốc đã đứng đầu thế giới, Nhà nước Trung Quốc đang từng bước cho ra đời các chính sách mới nhằm khích lệ phát triển công nghiệp kết cấu thép, vì vậy, nỗ lực phát triển các điều kiện về kết cấu thép đã hoàn thiện, kết cấu thép trở thành ngành công nghiệp đang bước vào thời kỳ phát triển hoàng kim.

1. Hình thức xây dựng của nhà ở kết cấu thép nhẹ

Những năm gần đây, các hình thức xây dựng nhà ở kết cấu nhẹ xuất hiện tại Trung Quốc chủ yếu có: công trình nhà kết cấu thép phổ thông, công trình nhà ở thấp tầng bằng thép kiểu thành mỏng tạo hình nguội nhập từ nước ngoài, công trình nhà ở kết cấu thép thấp tầng và nhiều tầng với tấm tường bảo ôn phức hợp đồng bộ bằng khung thép nhẹ sản xuất trong nước... Cùng với sự xuất hiện của rất nhiều hình thức xây dựng nhà ở kết cấu thép, xây dựng nhà ở kết cấu thép nhẹ phù hợp với phong tục tập quán của người dân Trung Quốc, là yêu cầu cơ bản trong xây dựng và phát triển đô thị nông thôn Trung Quốc.

2. Hệ thống kết cấu của nhà ở kết cấu thép nhẹ

Nhà ở kết cấu thép nhẹ là một kiểu hệ thống xây dựng chuyên dụng, việc thiết kế và xây dựng của nó đòi hỏi phải có các vật liệu đồng bộ bảo vệ chất liệu nhẹ với tính ổn định vật liệu, an toàn tin cậy, thực dụng về mặt kinh tế và có kỹ thuật đồng bộ trong kết nối với kết cấu thép. Nhà ở của Trung Quốc thích hợp sử dụng hệ thống kết cấu khung thép nhẹ với hệ thống xây dựng có tường, sàn và mái chất liệu nhẹ thỏa mãn yêu cầu về chức năng. Theo tiêu chuẩn về thiết kế, thi công và nghiệm thu nhà ở kết cấu thép nhẹ, công trình nhà ở kết cấu thép nhẹ dùng cho khu vực kháng chấn hoặc phi kháng chấn không vượt quá 6 tầng. Hơn nữa, việc thiết kế, thi công và nghiệm thu nhà ở kết cấu thép nhẹ còn cần phù hợp với quy định về tiêu chuẩn

có liên quan hiện hành của Nhà nước Trung Quốc. Thực tiễn chứng minh kết cấu thép nhẹ với chất liệu nhẹ, tính năng kết cấu, tính năng kháng chấn và tính kinh tế khá tốt, có lợi cho việc mở rộng ứng dụng.

3. Vật liệu nhẹ của nhà ở kết cấu thép nhẹ

Vật liệu nhẹ của kết cấu thép nhẹ có đặc điểm nhẹ so với kết cấu khung bê tông cốt thép truyền thống.

Nhà ở kết cấu thép nhẹ là một kiểu hệ thống xây dựng mới, vật liệu để cập là vật liệu xây dựng kiểu mới với phương pháp thiết kế nhất thể hóa xây dựng, kết cấu, thiết bị và trang trí lắp đặt, nhà ở kiểu này chú trọng nhấn mạnh vật liệu đồng bộ, kỹ thuật đồng bộ, thiết kế đồng bộ. Nhà ở kết cấu thép nhẹ không chỉ nhấn mạnh khung thép nhẹ mà điều quan trọng hơn là phải có sàn, tường, mái chất liệu nhẹ đồng bộ với nó trong khi vật liệu bê tông truyền thống không thể thỏa mãn những yêu cầu này.

4. Tương lai phát triển của nhà ở kết cấu thép nhẹ

Công nghiệp nhà ở kết cấu thép nhẹ tuy đã phát triển ở Trung Quốc nhưng khi so sánh với kết cấu bê tông cốt thép truyền thống thì đây vẫn là một hình thức kết cấu kiểu mới. Kết cấu tường cần thiết trong nhà ở kết cấu thép nhẹ hoàn toàn không giống với kết cấu bê tông cốt thép truyền thống, nó cần có tấm tường trong, tấm tường ngoài và tấm sàn, những vật liệu xây dựng kiểu mới này sẽ được ứng dụng rộng rãi cùng với sự phát triển của nhà ở kết cấu thép nhẹ. Ngoài ra, những vật liệu bảo vệ kiểu mới dùng cho nhà ở kết cấu thép nhẹ thường có đặc điểm nhẹ, tiết kiệm năng lượng, bền và kinh tế, nếu như kiểu vật liệu xây dựng bảo vệ môi trường kiểu mới này có thể ứng dụng với số lượng lớn trong nhà ở kết cấu thép nhẹ thì nó sẽ từng bước thực hiện được mục tiêu to lớn và lâu dài về nhà ở xanh, cacbon thấp và sinh thái hóa xây dựng.

5. “Quy trình” mới cung cấp tiêu chuẩn và căn cứ

“Quy chuẩn kỹ thuật nhà ở kết cấu thép nhẹ” được ban hành vào tháng 10/2010 là bộ quy chuẩn kỹ thuật về nhà ở kết cấu thép đầu tiên thuộc lĩnh vực xây dựng của Trung Quốc, nó đã cung cấp những tiêu chuẩn và căn cứ cho ngành nhà ở kết cấu thép nhẹ của Trung Quốc, đồng thời từng bước thúc đẩy sự phát triển của nhà ở Trung Quốc theo hướng công nghiệp hóa, tổ hợp hóa. Sự phát triển của nhà ở kết cấu thép nhẹ với trách nhiệm to lớn, cần phải trải qua sự nỗ lực lâu dài và được quyết định bởi rất nhiều nhân tố, không chỉ cần sự hỗ trợ về chính sách liên quan của Nhà nước mà còn cần có sự công nhận và đón nhận của các nhà khai thác bất động sản, các nhà vật liệu xây dựng và quần chúng nhân dân về hình thức kết cấu xây dựng kiểu mới này.

6. Nhà ở kết cấu thép nhẹ và kỹ thuật mới

Nhà ở kết cấu thép nhẹ là một hệ thống xây dựng tổng hợp mới có tính chuyên nghiệp khá mạnh, vật liệu được dùng là một loại vật liệu xây dựng kiểu mới, vì vậy cần xem xét trọng điểm tới việc ứng dụng của vật liệu bảo vệ xây dựng, bao gồm tấm tường chất liệu nhẹ, tấm sàn chất liệu nhẹ, tấm mái chất liệu nhẹ ... Đặc biệt cần ứng dụng các kỹ thuật mới như kỹ thuật cách nhiệt bảo ôn mái và tường tiết kiệm năng lượng, các kỹ thuật ứng dụng năng lượng tái tạo như kỹ thuật cách nhiệt bảo ôn cho cửa tiết kiệm năng lượng, kỹ thuật tính toán phân hộ và kiểm soát nhiệt độ cho hệ thống cấp nhiệt sưởi ấm, năng lượng mặt trời hoặc địa nhiệt ... Sử dụng hệ thống kết cấu khung thép và hệ thống bảo vệ bằng vật liệu nhẹ vừa phù hợp với thói quen sinh sống của người dân lại vừa có thể thống nhất với quy phạm hiện hành của Trung Quốc, có lợi cho việc thực hiện công nghiệp hóa.

7. Nhất thể hóa thiết kế thi công

Trong giai đoạn thiết kế ban đầu, thông qua thiết kế khoa học và sự hợp tác của các nhân viên khoa học kỹ thuật có liên quan, thực hiện sự kết hợp hoàn mỹ về kết cấu, chức năng và nghệ thuật xây dựng. Sử dụng phương pháp

thiết kế nhất thể hóa xây dựng, kết cấu, thiết bị và trang trí lắp đặt, yêu cầu đồng bộ về vật liệu, kỹ thuật, thiết kế, nguyên tắc thiết kế nên dựa trên cơ sở của hệ thống xây dựng và sản phẩm đồng bộ, tổ hợp các kỹ thuật như kỹ thuật quang điện năng lượng mặt trời, kỹ thuật phát điện bằng sức gió, kỹ thuật bơm địa nhiệt và kỹ thuật năng lượng sinh vật ..., xây dựng nhà ở xanh Carbon thấp, thúc đẩy sinh thái hóa xây dựng. Vì vậy, thực hiện nhất thể hóa thiết kế thi công nhà ở kết cấu thép nhẹ là rất quan trọng, có lợi cho sự phát triển khoa học, trật tự và lành mạnh của nhà ở kết cấu thép nhẹ.

IV. Sự hỗ trợ của các cơ quan liên quan của Chính phủ

“Quy hoạch 5 năm lần thứ 12” của Trung Quốc đã đưa ra mục tiêu “gia tăng tỷ lệ công trình kết cấu thép” thời kỳ “5 năm lần thứ 12”, coi phát triển kết cấu thép là một chỉ tiêu của ngành xây dựng để thúc đẩy “tiết kiệm năng lượng xã hội”. “Quy hoạch” đã đưa “tăng cường tiến bộ và đổi mới kỹ thuật”, tổ chức lĩnh vực trọng điểm và thúc đẩy “kỹ thuật công trình kết cấu siêu cao tầng và kỹ thuật trọng điểm công trình nhà ở” liệt vào đề tài nghiên cứu cơ bản, cung cấp căn cứ cho việc triển khai nghiên cứu đề tài công nghiệp hóa nhà ở kết cấu thép.

Hiện tại, công nghiệp kết cấu thép Trung Quốc đang nằm trong thời kỳ phát triển trọng điểm, trong quá trình chuyển phương thức, điều chỉnh kết cấu, kiến nghị đưa ra “Quy hoạch chấn hưng công nghiệp kết cấu thép” của Nhà nước, đưa lĩnh vực phát triển công nghiệp kết cấu thép lên thành chiến lược quốc gia, tiếp tục tăng cường hỗ trợ công nghiệp, tăng cường nghiên cứu phát triển đầu tư, tăng cường đưa ra và thực hiện các chính sách ưu đãi về khoa học kỹ thuật và tài chính, khích lệ sử dụng các sản phẩm kết cấu thép, các cơ quan liên quan của Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện về cơ hội phát triển nhiều hơn nữa cho các doanh nghiệp kết cấu thép, để đa số các doanh nghiệp tham gia vào các kiểu công trình kết cấu

thép, đặc biệt là công trình nhà ở kết cấu thép nhẹ.

V. Tác dụng của Hiệp hội ngành nghề

Hiệp hội Kết cấu thép cần thực hiện chức năng “cung cấp dịch vụ, phản ánh nhu cầu, quy phạm hành vi”, phát huy tác dụng tích cực của hiệp hội trong quản lý nhà nước và xã hội, cung cấp sự phục vụ chất lượng cao, điều chỉnh kết hợp các nguồn lực, xây dựng nền tảng cho các đơn vị như viện nghiên cứu khoa học, trường đại học cao đẳng, cơ cấu kiểm tra, khảo sát thiết kế, khai thác nhà ở, thi công xây dựng, trang trí lắp đặt, giám sát công trình, sản xuất thiết bị ..., tổ chức thành Ủy ban chuyên gia, cùng nghiên cứu phát triển tường tiết kiệm năng lượng kiểu mới cũng như hệ thống xây dựng và vật liệu xây dựng xanh, carbon thấp, thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp hóa nhà ở. Tổ chức cho các chuyên gia kết cấu thép tiến hành giao lưu và tư vấn phục vụ kỹ thuật đối với nhà ở kết cấu thép, chỉ đạo sử dụng an toàn sản phẩm nhà ở kết cấu thép, làm tốt nghiên cứu kỹ thuật, nêu cao thương hiệu doanh nghiệp, nâng cao chất lượng công trình, nỗ lực thúc đẩy ngành kết cấu thép phát triển lành mạnh, bền vững.

Xây dựng và khai thác nhà ở kết cấu thép nhẹ cần thiết phải xúc tiến nâng cao đổi mới vật liệu xây dựng nhà ở và hàm lượng khoa học kỹ thuật xây dựng, thúc đẩy chuyển biến trong phương thức phát triển xây dựng. Công nghiệp hóa và tổ hợp hóa nhà ở kết cấu thép nhẹ đánh dấu xây dựng phát triển từ công trường đi tới công xưởng, đây là phương hướng phát triển của công nghiệp hóa xây dựng Trung Quốc. Chúng ta tin rằng, sự hỗ trợ của Nhà nước Trung Quốc đối với phát triển xây dựng kết cấu thép chắc chắn sẽ đẩy nhanh hơn nữa sự mở rộng và ứng dụng của nhà ở kết cấu thép nhẹ.

Tiêu Ứng Lạc, Vệ Dũng

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 8/2012

ND: Kim Nhạn

Hội nghị giao ban triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2012 của ngành Xây dựng

Sáng ngày 06/7/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị giao ban triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2012 với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, các Sở Xây dựng địa phương, Sở Kiến trúc - Quy hoạch Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc Bộ Xây dựng và đại diện lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng. Ủy viên BCH Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc và chủ trì Hội nghị.

Khái quát về những kết quả công tác đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2012, những tồn tại và khó khăn cần khắc phục trong nửa cuối năm, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, ngành Xây dựng thực hiện nhiệm vụ năm 2012 trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn, bên cạnh những thời cơ, những thuận lợi là cơ bản nhưng khó khăn, thách thức của năm 2012 là rất lớn do tác động của suy thoái kinh tế và khủng hoảng nợ công ở nhiều nước phát triển trên thế giới tác động đến nước ta, làm cho đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giảm, tiêu dùng toàn cầu giảm và tác động đến thị trường xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành Xây dựng. Tuy vậy, với sự cố gắng rất cao của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành Xây dựng, trong 6 tháng đầu năm 2012, toàn ngành đã đạt được những thành quả hết sức quan trọng trong các lĩnh vực: công tác xây dựng thể chế, thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng, công tác cải cách thủ tục hành chính và các mặt công tác khác. Hoạt động của các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước thuộc quản



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội nghị

lý của Bộ Xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2012 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và sản xuất vật liệu xây dựng, giá trị sản xuất kinh doanh có mức tăng, giảm không đáng kể so với cùng kỳ năm 2011, giá trị đầu tư đạt thấp do hầu hết các dự án phải giãn, hoãn do thiếu vốn.

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng tại Hội nghị, trong 6 tháng đầu năm 2012, Bộ Xây dựng đã hoàn thành, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo 06 Nghị định, 02 Quyết định, 01 Đề án, 01 Chỉ thị đồng thời tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo 06 Nghị định, 05 Quyết định, 04 Đề án đã trình trong năm 2011. Ngoài ra, Bộ Xây dựng cũng đã ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư, 05 Quyết định. Bộ Xây dựng tiếp tục tập trung chỉ đạo hoàn chỉnh Đề án đổi mới cơ chế quản lý đầu tư xây dựng; hoàn chỉnh trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Định hướng Kiến trúc Việt Nam đến năm 2030; điều chỉnh Quy hoạch phát triển VLXD Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; tổ chức thực hiện: Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030...

*Đoàn chủ tọa Hội nghị**Toàn cảnh Hội nghị*

Trong 6 tháng đầu năm 2012, giá trị sản xuất xây dựng của toàn ngành Xây dựng (theo giá hiện hành) ước đạt 283.303 tỷ đồng, bằng 105,2% so với cùng kỳ năm 2011; tổng diện tích sàn nhà ở đạt khoảng 30 triệu m² sàn; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%, tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết 1:2000 so với diện tích đất xây dựng đô thị trung bình đạt 50%, tỷ lệ số xã có quy hoạch chung đạt 62%, tăng 7,5% so với cuối năm 2011; tỷ lệ dân đô thị được cung cấp nước sạch đạt 77%, thu gom và xử lý rác thải đạt 83%; sản lượng tiêu thụ xi măng đạt 23,89 triệu tấn, bằng 95,7% so với cùng kỳ năm 2011, đạt 43,4% kế hoạch năm, xuất khẩu đạt 3,2 triệu tấn; sản lượng ceramic đạt 61,3 triệu m², kính xây dựng đạt 29,5 triệu m²...

Tại Hội nghị giao ban, lãnh đạo Bộ và các đại biểu tham dự đã nghe các báo cáo tham luận và ý kiến phát biểu của Sở Kiến trúc - Quy hoạch Hà Nội, các Sở Xây dựng: thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Lào Cai; Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị, Tổng Công ty Phát triển nhà Hà Nội; Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội Các đô thị Việt Nam, Hội Quy hoạch và Phát triển Đô thị Việt Nam.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cảm ơn và tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu dự họp để đưa vào chương

trình công tác của Bộ trong thời gian tới.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2012 đã đề ra, trong 6 tháng cuối năm, Bộ Xây dựng sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ; Hoàn thành Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2012 đảm bảo tiến độ, chất lượng; Tăng cường công tác quản lý hoạt động xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng, đặc biệt quan tâm đến kiểm soát chất lượng công trình xây dựng và kiểm soát quá trình đầu tư xây dựng, trong đó có quản lý các công trình trọng điểm quốc gia, đảm bảo an toàn hồ đập; Tăng cường công tác quản lý đô thị, đẩy mạnh công tác lập quy hoạch, quy hoạch tổng thể, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, trong đó đặc biệt quan tâm đến thiết kế đô thị; Phát triển đô thị theo quy hoạch, kế hoạch, rà soát các dự án phát triển đô thị; Phát triển mạnh nhà ở đồng thời tập trung hoàn thiện các chương trình, chính sách phát triển nhà ở xã hội; tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ngành Xây dựng; chỉ đạo tái cấu trúc các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuộc quyền quản lý của Bộ Xây dựng./.

Minh Tuấn

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và đoàn công tác của Bộ Xây dựng làm việc tại Nam Định và Hải Dương

Thực hiện Chương trình công tác của Bộ Xây dựng về việc nắm tình hình công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng ở các địa phương, trong hai ngày 12- 13/7/2012, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và đoàn công tác gồm Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh và lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng, Văn phòng Bộ Xây dựng đã đến làm việc với UBND các tỉnh Nam Định và Hải Dương.

Tại tỉnh Nam Định, Bí thư Tỉnh ủy Phạm Hồng Hà, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nguyễn Khắc Hưng, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Tuấn và lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh Nam Định đã thân mật tiếp và làm việc với Bộ trưởng và đoàn công tác.

Báo cáo với Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng về công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định Nguyễn Văn Tuấn cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2012, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Nam Định ước đạt 5.551 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước; trong đó vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý, điều hành đã giải ngân được 1.125 tỷ đồng, đạt 44,8%.

Trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh đang chỉ đạo 100% xã, phường của thành phố Nam Định lập quy hoạch chi tiết, điều chỉ phù hợp với quy hoạch chung của thành phố. Hiện đã hoàn thành quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm 100% các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh, hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới đối với 209 xã, thị trấn, hoàn thành lập quy hoạch và xây dựng được 4/12 khu công nghiệp, 20/30 cụm công nghiệp trên địa bàn.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng hướng dẫn



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Nam Định

các địa phương lập quy hoạch xây dựng, làm các thủ tục thành lập, nâng cấp một số đô thị như Thịnh Long (huyện Hải Hậu), Yên Bằng (huyện Ý Yên), Xuân Hồng (huyện Xuân Trường), Ninh Cường (huyện Trực Ninh).

Hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh đến nay cơ bản được đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Hệ thống cấp nước sạch đô thị đạt 100%, cấp nước sạch nông thôn có 58 nhà máy đang hoạt động. Hệ thống thoát nước đô thị cơ bản được thoát nước mặt và nước thải riêng. Toàn tỉnh đã và đang xây dựng 83 bãi chôn lấp rác thải.

Về lĩnh vực phát triển nhà ở, tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định số 61/CP; tập trung đôn đốc các địa phương hoàn thành hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để hoàn thành trong tháng 7/2012; tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công dự án cụm nhà ở sinh viên, đưa vào sử dụng hạng mục số 1, số 2 vào cuối năm 2012.

Đối với việc thẩm tra, thẩm định thiết kế, dự toán các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, UBND tỉnh đã giao cho Sở Xây dựng thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm 2012 đã thẩm tra, thẩm định 83 công trình và hạng mục



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hải Dương

công trình với tổng giá trị dự toán là 417 tỷ đồng, giá trị giảm sau thẩm định là 39,9 tỷ đồng (9,56%).

Phát biểu tại buổi làm việc với UBND tỉnh Nam Định, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh Nam Định đối với công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng trên địa bàn, trong đó đặc biệt là quan tâm đến công tác quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Tỉnh cũng đã giành được những thành tựu rất cơ bản trong các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, hoàn thành chương trình hỗ trợ hộ nghèo ở nông thôn về nhà ở...

Về những đề xuất của tỉnh Nam Định, Bộ Xây dựng sẽ quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ tỉnh Nam Định về lập quy hoạch vùng tỉnh Nam Định, nâng cấp một số đô thị trên địa bàn tỉnh, vận động các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội ở Nam Định.

Tại tỉnh Hải Dương, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và đoàn công tác của Bộ Xây dựng đã làm việc với Bí thư tỉnh ủy Bùi Thanh Quyển, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Mạnh Hiển và lãnh đạo các Sở, ngành của tỉnh Hải Dương.

Tại buổi làm việc, Bí thư tỉnh ủy Bùi Thanh Quyển cho biết, trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của các tỉnh đồng bằng sông Hồng, tỉnh Hải Dương đã nỗ lực phấn đấu và đã giành được những thành tựu đáng phấn khởi. Tuy nhiên, bước sang năm 2012 là một



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh tại buổi làm việc với Sở Xây dựng Hải Dương

năm rất khó khăn, trong 6 tháng đầu năm 2012, Hải Dương đạt mức tăng trưởng rất thấp, có 400/6000 doanh nghiệp gặp khó khăn phải dừng hoạt động, thu ngân sách nội địa giảm 26,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng trên địa bàn, tỉnh Hải Dương hết sức chú trọng và quan tâm đến công tác quy hoạch. Tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương - đây là cơ sở rất quan trọng để triển khai các quy hoạch, kế hoạch khác. Hải Dương cũng là một trong 10 tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc. Quy hoạch chung thành phố Hải Dương do JICA giúp đỡ đã hoàn thành nghiên cứu với kết quả tốt đang hoàn thiện để phê duyệt chính thức. Tỉnh Hải Dương cũng đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các công việc để nâng cấp huyện Kinh Môn lên thị xã Kinh Môn; đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch 88 xã nông thôn trên tổng số 229 xã; phê duyệt các đồ án quy hoạch chung đô thị các thị trấn trên địa bàn tỉnh; phê duyệt quy hoạch sản xuất vật liệu xây dựng; phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở đô thị và nhà ở công nhân khu công nghiệp tỉnh Hải Dương đến hết năm 2015 và định hướng đến năm 2020; hoàn thành Chương trình hỗ trợ hộ nghèo nông thôn về nhà ở vượt kế hoạch đề ra trước 01 năm...

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng nhận thấy, trong

hoàn cảnh khó khăn của năm 2011 và đầu năm 2012, tỉnh Hải Dương đã nỗ lực phấn đấu, đảm bảo tăng trưởng và phát triển ổn định. Là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, và Vùng Thủ đô, tỉnh Hải Dương đã huy động tốt các nguồn lực để phát triển, trong đó có nhiều nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước. Tỉnh cũng quan tâm, tập trung công tác quản lý, nâng cao hiệu quả đầu tư, tiếp tục quản lý phát triển đô thị, khu công nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tập trung cho công tác quy hoạch.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, tỉnh Hải Dương cần tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đầu tư xây dựng; hoàn chỉnh và phê duyệt quy hoạch chung thành phố Hải Dương; rà soát lại quy hoạch các khu công

ngiệp để điều chỉnh những bất hợp lý, gắn với quy hoạch phát triển đô thị; lập quy hoạch tổng thể xử lý chất thải rắn; tăng cường đầu tư cho các đô thị để đạt được các tiêu chí nâng cấp đô thị. Trong công tác phát triển nhà ở, tỉnh cần quan tâm đến xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp. Ngoài ra, Hải Dương là tỉnh phát triển mạnh về vật liệu xây dựng, do vậy tỉnh cần quan tâm giải quyết các mâu thuẫn giữa phát triển vật liệu xây dựng với môi trường, xây dựng lộ trình phát triển vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung./.

Minh Tuấn

Chiến lược phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2020 của nước Nga

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu ở chừng mực nào đó đã ảnh hưởng tới hoạt động của các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) trên khắp thế giới. Trong vòng 20 năm gần đây, các chỉ số bình quân về nhà ở đưa vào sử dụng mỗi năm (tính theo đầu người) tại Mỹ và các nước trong khối EC tăng ổn định 1m²/năm. Khi xảy ra khủng hoảng, các nước phát triển tăng chi phí của Nhà nước để phát triển hạ tầng, cùng thời điểm đó, Nga lại cắt giảm các chi phí này nhằm tăng ngân sách cho phúc lợi xã hội như lương hưu, tín dụng thế chấp, nhà ở xã hội...

Bắt đầu từ tháng 5/2008, khủng hoảng kinh tế tại Nga đã dẫn lộ rõ với sự sụt giảm tăng trưởng sản xuất VLXD, dẫn tới sự tụt hậu dần của thị trường VLXD từ tháng 8/2008. Từ tháng 4/2009, tình hình dần được ổn định, các chỉ số của tháng 3/2009 đã tăng lên so với cùng kỳ năm trước (+17,2%).

Theo kế hoạch của Chính phủ LB Nga, ngành Xây dựng cần phấn đấu đạt ngang tầm các nước phát triển về khối lượng nhà ở đưa vào sử dụng (tính theo đầu người) - tức là 1m²/

người, hay 140 triệu m² /năm; và mức tiêu thụ xi măng 1.000kg / người. Các chương trình về nhà ở của Chính phủ tương đối phù hợp với tình hình thực tế trong một vài năm gần đây; song đến năm 2009, Nga mới chỉ đưa được 59,8 triệu m² nhà ở (81,9%) / 73 triệu m² theo kế hoạch vào sử dụng. Nhu cầu xi măng trong các năm 2008 - 2009 giảm sút chứng tỏ số lượng các công trình xây dựng mới suy giảm; phần lớn khối lượng nhà ở được đưa vào khai thác sử dụng trong giai đoạn này là do việc hoàn thiện những công trình dang dở còn lại: năm 2008 khối lượng các công trình nhà ở chưa hoàn thành chiếm tới hơn 80 triệu m². Năm 2010, theo kế hoạch của Bộ Phát triển vùng LB Nga, các công trình nhà ở chiếm diện tích 60 triệu m², trong đó số lượng các công trình xây dựng mới được gia tăng đáng kể.

Nhờ Điều luật đã được Duma quốc gia thông qua cho phép bảo đảm tín dụng thế chấp với khoản nộp ban đầu 20%, đa số các ngân hàng đã giảm mức phí tối thiểu ban đầu cũng như mức lãi suất từ 21% xuống còn 11%. Do đó, ngay từ tháng 3/2010, tín dụng thế chấp đã có

sự tăng trưởng. Quyết định của Chính phủ về việc dành 250 tỷ rúp hỗ trợ tín dụng thế chấp đã thúc đẩy nhu cầu nhà ở gia tăng. Các yếu tố này đã tạo tiền đề cho sự gia tăng nhu cầu nhà ở của năm 2010.

Trong giai đoạn đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển ngành công nghiệp VLXD (2010 - 2015), tất cả các công đoạn từ đầu tư vốn để hiện đại hóa dây chuyền sản xuất hiện có, dành quỹ đất để xây dựng các nhà máy mới, cấp phép cho các cơ sở khai thác nguyên liệu, đến công tác xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở... đều được cụ thể hóa trong kế hoạch. Trong giai đoạn 2 (2015 - 2020), đòi hỏi cần có giải pháp tăng cường đầu tư - đưa các dây chuyền sản xuất mới vào hoạt động. Kế hoạch đầu tư tới năm 2020 cho phép Nga xây dựng những dây chuyền sản xuất mới với công suất mỗi năm có thể xuất xưởng thêm 36,1 triệu tấn xi măng; 2,5 triệu m³ cấu kiện bê tông cốt thép; 625,3 triệu m³ nguyên liệu không phải quặng (đá dăm và sỏi); và 324,6 triệu m³ kính xây dựng.

Khi đưa ra những dự báo về tổng nhu cầu xi măng cho tới năm 2020, cần lưu ý tới dự báo nhu cầu xi măng năm 2009 (được ước tính là 55,7 triệu tấn; trên thực tế sản lượng xi măng năm 2009 của Nga là 44,3 triệu tấn). Các số liệu của Cục Thống kê Liên bang cho thấy: nhập khẩu xi măng năm 2009 của Nga là 1,04 triệu tấn; xuất khẩu 1,36 triệu tấn. Như vậy, tổng nhu cầu trong nước được dự báo không vượt 44 triệu tấn; và trong trường hợp này nhu cầu được dự báo đã cao hơn tới 26,6%.

Trong những năm 2007 - 2009, giá cả xi măng biến động khá nhanh. Trong thời kỳ khủng hoảng, giá xi măng giảm tới 2 lần so với năm 2007. Còn trong điều kiện cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường siêu lợi nhuận, giá xi măng sẽ được khôi phục lại từ 5 - 10% / năm.

Tiềm năng xuất khẩu xi măng của Nga bắt đầu được khôi phục vào năm 2009 (tăng 3 lần so với năm 2008). Với một số nước phát triển được coi là thị trường tiềm năng của xi măng Nga thì việc xuất khẩu có thể đạt 2,5 triệu tấn vào năm

2012. Triển vọng trong tương lai không xa, Nga sẽ xuất khẩu 6 - 7% tổng sản lượng xi măng.

Theo các chuyên gia Nga, với công suất sản xuất hiện nay, tới năm 2012 cung sẽ vượt cầu. Như vậy, cần giảm công suất xuống ngang mức công suất sản xuất của năm 1993. Tới năm 2008, nhu cầu gia tăng tới 15% / năm. Từ năm 2010, tăng trưởng hàng năm được dự đoán không vượt quá 8 - 10%.

Những kết luận chính cũng như dự báo tình hình thị trường xi măng của Nga đến năm 2012 như sau:

1. Đưa vào vận hành 15 nhà máy sản xuất xi măng theo phương pháp khô, với tổng công suất 24 triệu tấn;
2. công suất sẽ tăng tới 98,8 triệu tấn;
3. sản lượng đạt 57,1 triệu tấn;
4. nhu cầu tiêu thụ 55,6 triệu tấn;
5. nhập khẩu giảm còn 1 triệu tấn;
6. xuất khẩu tăng đến 2,5 triệu tấn.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, cần :

- rà soát lại tổng nhu cầu xi măng dự báo chưa chính xác từ năm 2007;
- đưa các chương trình nhà ở của từng vùng đến năm 2020 vào chiến lược phát triển, do sự phát triển phân khúc nhà ở có nhu cầu trực tiếp đối với ngành công nghiệp xi măng;
- tiến hành phân tích nhằm xác định công suất thực tế của sản xuất xi măng tại Nga;
- xác định sự thiếu cân bằng giữa nhu cầu, công suất và sản xuất trong từng khu vực;
- cho tới năm 2020 chuyển những dự án đầu tư xây dựng các nhà máy xi măng mới tới các khu vực còn thiếu xi măng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ;
- đưa chiến lược vào kế hoạch tài chính bằng các điều khoản về công tác hiện đại hóa các dây chuyền sản xuất hiện hành cũng như các nguồn tài chính có thể.

M. Skorokhod

Nguồn: Tạp chí Xi măng Nga (tháng 5-6/2010)

ND: Lê Minh

Chương trình “Chính sách xây dựng đô thị năm 2012 - 2016” của thành phố Moskva (LB Nga)

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Liên bang Nga cho tới năm 2020 xác định mục tiêu “Đạt mức tăng trưởng kinh tế xã hội phù hợp với thể chế của nước Nga và phù hợp với quy chế của một quốc gia tiên tiến trên thế giới trong thế kỷ XXI”. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đã được phản ánh rõ nét ngay ở khu vực Moskva, sau khi để lại hậu quả tại rất nhiều thành phố khác nhau. Chính phủ Liên bang Nga đã thông qua các giải pháp nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định của khu vực Moskva. Sự phát triển kinh tế xã hội của Moskva được thực hiện thông qua một loạt chương trình mục tiêu - những công cụ điều hành quản lý kinh tế - xã hội của một đô thị một cách hiệu quả. Điều này có nghĩa là: tất cả các nguồn lực hiện có đều có thể được kết hợp trực tiếp với những mục tiêu và nhiệm vụ được đặt ra trên cơ sở các chương trình của thành phố, và thông qua đó có thể giải quyết mọi vấn đề phát triển kinh tế nhờ sự phối hợp hiệu quả của các ban ngành.

Các ngành như giao thông, y tế, giáo dục; các lĩnh vực như hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ, du lịch - giải trí - nghỉ dưỡng... đều có tính đa dạng và đòi hỏi một giải pháp có tính hệ thống. Bởi vậy, khi soạn thảo các văn bản liên quan tới vấn đề xây dựng và thiết kế đô thị, cần có sự phối hợp hoạt động của các cơ quan hành pháp của Chính quyền thủ đô Moskva. Hướng phát triển chung của tất cả các lĩnh vực chính là Chương trình “Chính sách Xây dựng đô thị” bao gồm rất nhiều biện pháp quan trọng mà những khía cạnh cơ bản nhất sẽ được đề cập đến trong bài viết này.

Tác động qua lại giữa thành phố thủ đô Moskva và vùng Moskva chiếm vị trí chủ chốt trong chính sách này, bởi vì - dù các tuyến đường sắt và đường bộ có cấu trúc xuyên tâm - Moskva và vùng Moskva theo quy hoạch sẽ

làm thành một vùng thống nhất, thể hiện rất rõ tính chất hướng tâm của quá trình đô thị hóa. Việc mở rộng quan hệ hợp tác về mặt hành chính và chính trị của thành phố Moskva và vùng Moskva sẽ thiết lập những cơ sở pháp lý và những điều kiện xây dựng một đô thị mới chất lượng nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập quan trọng. Cùng với đó, sự hợp tác liên vùng sâu rộng sẽ giúp hình thành một Moskva với vai trò là trung tâm tài chính quốc tế.

Các tiểu chương trình riêng biệt tập trung vào những nhiệm vụ quan trọng như quy hoạch tổng thể trung tâm lịch sử của thành phố; tái thiết, cải tạo và tái cơ cấu các khu vực trong thành phố; chính sách xây dựng tổng thể khu vực ngoại ô thành phố. Trong điều kiện hạn chế tối đa việc xây dựng mới tại trung tâm thủ đô, các nhà hoạch định chiến lược đã rất chú trọng tới công tác chỉnh trang đô thị tại trung tâm lịch sử, bao gồm sửa chữa mặt tiền các toà nhà và phủ xanh khu vực. Các công tác đảm bảo điều kiện để hoạt động giao thông công cộng diễn ra bình thường và đảm bảo không gian cho các bãi đỗ xe đều được xem xét.

Trong quá trình tái thiết trung tâm lịch sử của thành phố, một nhiệm vụ quan trọng được lên kế hoạch là phục dựng lại các công trình di sản văn hóa, các công trình mang tính lịch sử của thủ đô Moskva. Trong trường hợp xây các công trình mới sẽ cần có sự đánh giá tổng hợp hiện trạng của các công trình lịch sử.

Tiềm năng phát triển chính là khu vực sản xuất của Moskva. Khai thác một các hiệu quả nhất khu vực này là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chính sách xây dựng đô thị của Moskva. Liên quan tới vấn đề này, Chương trình thông qua một loạt các biện pháp nhằm tái cơ cấu các khu công nghiệp; đưa các nhà máy, các cơ sở sản xuất từ trung tâm ra các vùng ngoại vi nhằm giãn dân, giảm một lượng lớn cư

dân của Moskva hàng sáng đổ dồn về trung tâm thành phố.

Một vấn đề khác không kém phần bức thiết - cải thiện tình hình đầu tư. Chương trình xem xét các biện pháp cắt giảm các rào cản hành chính trong việc cấp đất xây dựng, phê duyệt hồ sơ thiết kế, cấp phép xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

Một phần đáng kể các biện pháp của Chương trình được tập trung cho việc hoàn thiện các bảo đảm về mặt pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các hoạt động xây dựng đô thị. Như vậy, các sửa đổi Luật cũng như việc áp dụng các tiêu chuẩn mới, nghiên cứu các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, các quy định cũng như những tài liệu tiêu chuẩn kỹ thuật khác... sẽ được soạn thảo bổ sung.

Trong Chương trình, vấn đề tác động tiêu cực tới không gian và môi trường xung quanh khi xây dựng và khai thác sử dụng các công trình, các tòa nhà; vấn đề tiếng ồn; vấn đề chỉnh trang phủ xanh đô thị (công viên, vườn hoa, đại lộ...) được đặc biệt chú trọng. Cần bảo đảm khôi phục các ao, đầm, sông ngòi về mặt sinh thái với việc cải tạo đất bề mặt, tổ chức tốt công tác phủ xanh khu vực, cũng như duy trì mối tương quan lịch sử - thiên nhiên (cảnh quan khu vực) của Moskva và vùng Moskva.

Nhiệm vụ quan trọng của Chương trình - bảo đảm xây dựng nhà ở. Điều này có nghĩa là cần bảo đảm hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho khu vực thành phố. Đây là vấn đề đặc biệt cấp bách tại những khu vực có nhiều công trình nhà ở mới xây dựng. Giá đất cao, các tiêu chuẩn quy phạm xây dựng đô thị chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ đã dẫn đến việc phá vỡ tính tổng thể trong xây dựng các tiểu vùng. Kết quả là hiện nay, Moskva thiếu trầm trọng các công trình hạ tầng xã hội. Việc thực hiện các biện pháp của Chương trình sẽ hỗ trợ xóa bỏ những điều chưa phù hợp nêu trên.

Với tình hình dân số của thủ đô tăng nhanh - trong đó có người lao động nhập cư, khách du

lich - nhu cầu về các công trình hạ tầng đô thị tất nhiên cũng tăng cao. Việc đề ra các biện pháp đảm bảo chức năng ổn định của không gian đô thị cho phép thiết lập một hệ thống danh mục các công trình dạng này.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, quy trình xây dựng cũng thay đổi và dần hoàn thiện. Ngày nay trong điều kiện kinh tế thị trường, cạnh tranh xuất hiện ngày càng nhiều, tính hiệu quả của sản xuất được đặc biệt chú ý. Chương trình đã xem xét các phương thức nhằm ứng dụng những biện pháp mới trong xây dựng để nâng cao trình độ công nghệ kỹ thuật, áp dụng biện pháp thi công. Tất cả những điều này đều cho phép nâng cao một cách đáng kể hiệu quả xây dựng và sản xuất.

Với mục đích sử dụng nguồn tài nguyên và tiêu hao năng lượng, nhiệt lượng một cách hợp lý, Chương trình đã xem xét việc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm nhằm đảm bảo việc giảm mức độ nguy cơ cho các tòa nhà, đồng thời có ảnh hưởng tích cực đến việc gia giảm biểu thuế đối với các dịch vụ nhà ở công cộng trong toàn thành phố.

Để phổ biến chính sách xây dựng đô thị của Moskva, tìm ra những hướng đi mới nhằm giải quyết vấn đề liên quan tới sự phát triển xây dựng đô thị, Chương trình đã đề ra việc tổ chức duy trì các hoạt động xây dựng đô thị về phân tích thông tin cũng như về phương pháp khoa học, từ đó cho phép thiết lập nên một hệ thống liên lạc hai chiều giữa các cơ quan công quyền của nhà nước, các cơ sở thương mại mà không phụ thuộc vào hình thức tổ chức của cơ sở đó; giữa các Hiệp hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội, cũng như giữa các tổ chức liên quan khác.

Moskva được coi là một thành phố nhiều tiềm năng để tiến hành các giải đấu thể thao ở cấp độ quốc tế, do vậy Chương trình dành một vị trí quan trọng cho các giải pháp phát triển hệ thống sân bay, tuyến xe điện ngầm, mạng lưới

giao thông công cộng trên mặt đất – trong đó có đường sắt. Ngoài ra, Chương trình còn đề cập nhiều tới vấn đề xây dựng các công trình mới, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có, trong đó có các công trình bảo đảm an toàn năng lượng cho các tổ hợp thể thao và khách sạn; xây dựng trạm xá - bệnh viện, phát triển hạ tầng liên lạc và công nghệ thông tin. Kết quả của việc thực hiện một loạt các biện pháp đó là những điều kiện cơ bản để tiến hành tại Moskva các giải đấu thể thao ở cấp độ quốc tế, bên cạnh đó tạo điều kiện để người dân Moskva có thể tham gia luyện tập thể thao ở các cơ sở đã được thiết lập.

Việc xem xét các khía cạnh phát triển chính sách xây dựng đô thị của Moskva trong khuôn khổ của Chương trình cùng tên chỉ là một phần nhỏ các biện pháp nằm trong kế hoạch phát

triển, tạo diện mạo mới cho thủ đô. Việc thông qua Chương trình “Chính sách Xây dựng đô thị” được khẳng định bởi sự cần thiết phải phát triển hài hòa và tổng hợp vùng Moskva trên nguyên tắc hội nhập các vùng. Cần lưu ý rằng, các nhiệm vụ xây dựng đô thị đề ra chỉ có thể thực hiện được khi sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan ban ngành được thiết lập và bảo đảm. Cùng với sự thống nhất mọi nỗ lực của các cơ quan chức năng, thủ đô Moskva sẽ đạt được những mục tiêu chiến lược đối với sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội lâu dài của mình.

E. Turchina

Nguồn: Tạp chí Xây dựng dân dụng & Xây dựng công nghiệp Nga (tháng 12/2011)

ND: Lê Minh

Vấn đề nhân dân tham gia công tác quy hoạch đô thị - những hạn chế và biện pháp khắc phục

I. Tình hình chung của việc nhân dân tham gia công tác quy hoạch đô thị ở Trung Quốc hiện nay

1. Nhân dân tham gia công tác quy hoạch đô thị thể hiện rõ nền chính trị dân chủ

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, nền kinh tế Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng cao, quần chúng nhân dân cũng thể hiện những đòi hỏi về lợi ích của mình, là được tham gia vào các quyết sách quan trọng của Nhà nước. Trong bối cảnh đó, Nhà nước dần dần thừa nhận sự tham gia chính trị của nhân dân. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCS) lần thứ XVI đã nêu rõ: “Kiện toàn chế độ dân chủ, làm phong phú hình thức dân chủ, mở rộng sự tham gia chính trị một cách có trật tự của nhân dân”. Đại hội lần thứ XVII của ĐCS Trung Quốc lại nêu: “Kiên trì nguyên tắc mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, mọi tầng và mọi lĩnh vực đều mở rộng sự tham gia chính trị một cách có trật tự của nhân dân, động viên tối đa và tổ

chức nhân dân tham gia vào công việc của Nhà nước, công việc xã hội dưới sự quản lý của pháp luật, quản lý kinh tế và văn hóa”. “Kiện toàn chế độ dân chủ, làm phong phú hình thức dân chủ, mở rộng con đường dân chủ, thực hiện tuyển cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ, giám sát dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền được biết thông tin, quyền tham gia, quyền đóng góp ý kiến, quyền giám sát của nhân dân”, “đẩy mạnh khoa học hóa, dân chủ hóa quyết sách, hoàn thiện hệ thống trợ giúp về trí tuệ và thông tin cho quyết sách, tăng cường độ minh bạch của quyết sách và mức độ tham gia quyết sách của nhân dân, đề ra những pháp quy liên quan mật thiết với lợi ích của nhân dân, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của nhân dân”.

Nhân dân tham gia vào quy hoạch đô thị là đòi hỏi tất yếu trong xã hội dân chủ. Trên cơ sở mở cửa, triệt để tiếp thu ý kiến của nhân dân và giao lưu với nhân dân, ngành quyết sách phải

cân đối các yêu cầu đòi hỏi với quyết sách, nâng cao tính hợp lý của quyết sách, tránh làm cho quy hoạch đô thị chạy theo lợi ích ngắn hạn, hy sinh môi trường và lợi ích công cộng; quyết sách quy hoạch sẽ tiềm ẩn rủi ro rất lớn nếu chỉ dựa vào ngành chủ quản hành chính quy hoạch, đặc biệt là trong thời kỳ xã hội chuyển đổi mô hình. Nếu chính quyền quyết sách sai lầm, nhân dân sẽ là đối tượng chịu rủi ro. Được tham gia vào quyết sách, nhân dân có thể tránh được rủi ro này, giúp chính quyền thực hiện mục tiêu quy hoạch. Tham gia vào quyết sách, có thể khiến cho nhân dân và chính quyền lắng nghe ý kiến của nhau, giao lưu với nhau, có lợi cho việc nhân dân công khai giám sát hành vi của chính quyền, cũng có lợi cho việc nâng cao tính khả thi và hiệu quả của quyết sách.

Đặc biệt, “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn Trung Quốc” được thực hiện từ ngày 01/4/2008 quy định, nhân dân có thể phát biểu ý kiến trong quá trình đề ra, thực hiện và sửa đổi quy hoạch, đưa ra khá nhiều quy trình nhân dân tham gia vào quyết sách quy hoạch và nhận được quan tâm rộng rãi của xã hội, phần nào đáp ứng được yêu cầu của xã hội và giới nghiên cứu. Đó cũng là bộ luật đầu tiên của Trung Quốc pháp chế hóa trình tự nhân dân tham gia vào quy hoạch. “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn” có những điều khoản quy định việc nhân dân tham gia công tác quy hoạch đô thị có ảnh hưởng sâu xa không những đối với lĩnh vực quy hoạch đô thị và công tác quản lý vĩ mô của chính quyền. Ví dụ, trong Luật này, khi quy định về việc nhân dân tham gia vào giai đoạn quy hoạch tổng thể đô thị, Điều 26 của Luật quy định: “Trước khi Đồ án Quy hoạch đô thị và nông thôn được trình phê duyệt, cơ quan tổ chức lập Quy hoạch phải công bố bản dự thảo quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật, triệu tập hội nghị chuyên gia, hội nghị đóng góp ý kiến hoặc thông qua các phương thức khác để trưng cầu ý kiến của

các chuyên gia và nhân dân. Thời gian công bố dự thảo đồ án quy hoạch không được ít hơn 30 ngày. Cơ quan lập quy hoạch phải triệt để nghiên cứu ý kiến đóng góp của các chuyên gia và nhân dân, phải gửi kèm theo báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến và nêu rõ lý do tiếp thu cùng với thuyết minh đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn xin phê duyệt; Điều 46 của Luật Quy hoạch đô thị nông thôn Trung Quốc quy định: “Cơ quan tổ chức soạn thảo quy hoạch đô thị và nông thôn phải tổ chức các ngành hữu quan và chuyên gia tiến hành đánh giá định kỳ tình hình thực hiện quy hoạch, trưng cầu ý kiến thông qua hội nghị luận chứng, hội nghị đóng góp ý kiến hoặc thông qua các phương thức khác”; quy định về việc nhân dân tham gia ý kiến vào giai đoạn soạn thảo quy hoạch chi tiết mang tính điều tiết, Điều 48 của Luật quy định: “Nếu sửa đổi quy hoạch chi tiết mang tính điều tiết, cơ quan tổ chức soạn thảo phải tiến hành luận chứng về tầm quan trọng của việc sửa đổi, trưng cầu ý kiến của những người có lợi ích liên quan trong khu vực quy hoạch...”; Điều 50 quy định phải xác định rõ quy hoạch chi tiết, bản vẽ mặt bằng chung của phương án thiết kế công trình xây dựng, “ngành chủ quản quy hoạch đô thị và nông thôn phải thông qua các hình thức như hội nghị luận chứng... để lắng nghe ý kiến những người có lợi ích liên quan...”.

2. Nhân dân tham gia tương đối sớm vào lĩnh vực quy hoạch đô thị

Mấy năm gần đây, nhân dân tham gia thành công vào lĩnh vực quy hoạch đô thị. Ví dụ, Dự án xây dựng nhà máy hóa chất PX ở thành phố Hạ Môn tuy đã được khởi công xây dựng nhưng do sự phản ứng của người dân địa phương, cuối cùng chính quyền địa phương phải chấp thuận di chuyển dự án PX đi nơi khác.

Quy hoạch đô thị có thể trực tiếp quyết định phương hướng và mô hình phát triển của một đô thị, ảnh hưởng sâu xa đến toàn thể nhân dân trong đô thị. Do vậy, nhân dân phải có quyền phát biểu quan điểm về việc xây dựng môi

trường sinh tồn của mình.

Có thể thấy rằng, môi trường pháp luật và dân chủ chính trị phát triển, quan niệm xã hội phát triển đều trở thành động lực thúc đẩy nhân dân tham gia vào quy hoạch đô thị và giành được thành quả trong thực tế. Nhưng cũng cần phải thấy rằng, do các chính sách pháp luật và ngành chủ quản quy hoạch chưa tích cực thừa nhận sự tham gia của nhân dân, do nhân dân thiếu năng lực tham gia vào quy hoạch, nên nhân dân còn bị hạn chế tương đối nhiều khi tham gia vào quy hoạch đô thị.

Thứ nhất, tuy “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn” đã quy định trình tự nhân dân tham gia nhưng những quy định này còn mang nặng tính nguyên tắc, ít tính khả thi. Đó là: thời gian nhân dân tham gia do Luật này quy định tương đối muộn. Ngành chủ quản đã xác định quy hoạch cải tạo khu vực nào đó nhưng nhân dân vẫn không được biết tình hình liên quan; còn thiếu, thậm chí hoàn toàn không có những quy định về phạm vi chủ thể tham gia quy hoạch và phương pháp tham gia..., vì vậy trong thực tiễn thường bị nhầm lẫn về xác định phạm vi chủ thể tham gia, người có lợi ích liên quan thực sự lại không được tham gia vào quy hoạch. Ví dụ, Điều 48 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn Trung Quốc quy định: các ngành và chuyên gia có liên quan đều cần phải tham gia vào quy hoạch, nhưng lại không có quy định phải trưng cầu ý kiến của nhân dân. Cuối cùng, ngoài quy định về thời gian thông báo, Luật này cũng không quy định về trình tự và phương thức thông báo. Trong thực tế, nhiều địa phương chỉ dán bản vẽ quy hoạch ở văn phòng quy hoạch và hiện trường thi công, hạn chế hiệu quả của việc nhân dân tham gia vào quy hoạch.

Thứ hai, xét về chủ thể quyết sách, một số quan chức cá biệt thiếu ý thức, chỉ coi trọng hình thức, giới hạn ở việc đại biểu nhân dân và quan chức giám sát, chưa thực sự coi trọng sự tham gia của nhân dân trong việc đề ra quyết sách quy hoạch. Nhân dân không biết rõ ý kiến

của mình có được tiếp thu hay không và vì sao lại không được tiếp thu, như vậy khiến cho lòng nhiệt tình của nhân dân bị giảm đi.

Thứ ba, hiện nay nhân dân Trung Quốc tham gia chưa sâu vào quy hoạch, thường im lặng, e ngại, không tham gia vào việc chung của tập thể, không nhiệt tình tham gia, nhiều khi còn tham gia theo phong trào, hơn nữa quần chúng nhân dân lại thiếu kiến thức về quy hoạch, không thông hiểu những thông tin do chính quyền công bố, càng không thể nói tới tích cực thu thập thông tin và bảo vệ quyền lợi tham gia vào quy hoạch của mình.

Xuất phát từ vai trò của “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn”, hoàn thiện trình tự quần chúng nhân dân tham gia vào quy hoạch, sẽ làm cho quần chúng nhân dân ngày càng quan tâm và tham gia vào công tác quy hoạch, nâng cao ý thức tham gia của quần chúng nhân dân.

II. Hoàn thiện phạm vi và trình tự nhân dân tham gia vào quy hoạch đô thị

1. Trước hết phải ý thức được: tham gia có mức độ

Cần phải có sự tham gia của nhân dân vào quy hoạch đô thị, nhưng cũng cần quan tâm tới hiệu quả. Vì khi tham gia vào quy hoạch, nhân dân cần phải tốn nhiều thời gian và tiền bạc, vì vậy phải ý thức rằng nhân dân tham gia vào quy hoạch một cách có mức độ. Trong quy hoạch đô thị, cần phải hạn chế phạm vi tham gia ở một số khâu quan trọng thực sự ảnh hưởng tới quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân, không nên hao phí tiền vốn vào những vấn đề ít ảnh hưởng tới nhân dân và ít hiệu quả xã hội. Ngoài ra, nhân dân tham gia không thể biểu đạt ý kiến của riêng từng người, làm như vậy không những không thể khiến cho ý kiến của nhân dân có hình thức hiệu quả và quyết sách hợp lý, mà còn có thể dẫn tới mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Bởi vậy, cần phải coi hiệu quả là giới hạn phạm vi tham gia của nhân dân, chứ không nên không phân biệt việc lớn việc nhỏ, không giới hạn phạm vi.

2. Hoàn thiện các quy định về việc nhân dân tham gia trong “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn”, tăng cường tính khả thi của Luật

a) Bảo đảm cho quần chúng nhân dân tham gia vào quy hoạch đô thị một cách liên tục và sớm hơn

Trước hết, về trình tự tham gia đề ra quy hoạch, “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn” chỉ quy định trình tự nhân dân tham gia trong khoảng thời gian sau khi hình thành bản dự thảo và trước khi quy hoạch được phê duyệt. Rõ ràng, điều này là không đủ, Luật cần phải mở rộng thời gian nhân dân tham gia từ giai đoạn bước đầu đề ra dự thảo quy hoạch. Ở giai đoạn này, cơ quan soạn thảo quy hoạch cần phải công bố bản dự thảo quy hoạch cho nhân dân trong khu vực liên quan được biết, tiến hành điều tra và tìm hiểu ý kiến của nhân dân trong giai đoạn hình thành bản dự thảo, khiến cho lợi ích của nhân dân thống nhất với phương án quy hoạch; sau đó, trong giai đoạn thẩm tra phê duyệt quy hoạch, cơ quan thẩm tra phê duyệt phải tổ chức trưng cầu ý kiến nhân dân. Thứ hai, về mặt sửa đổi quy hoạch, “Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn” chỉ quy định trình tự nhân dân tham gia vào quy hoạch chi tiết mang tính điều tiết và quy hoạch chi tiết mang tính sửa đổi, còn phải hoàn thiện trình tự nhân dân tham gia vào quy hoạch hệ thống thị trấn đô thị trong khu vực tỉnh, quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch tổng thể thị trấn... Ngoài ra, còn cần phải tăng thêm quy định nhân dân tham gia vào quá trình giám sát thực hiện quy hoạch đô thị.

b) Mở rộng phạm vi nhân dân tham gia vào quy hoạch

“Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn” chưa quy định về phạm vi nhân dân tham gia. Nói chung, phạm vi nhân dân tham gia vào quy hoạch cần phải là mọi cư dân và đoàn thể trong phạm vi khu vực quy hoạch, đại biểu nhân dân hoặc cơ quan đại biểu, cư dân và đại biểu khu vực lân cận, các chuyên gia hữu quan.

c) Hoàn thiện kỹ thuật và phương pháp quy hoạch đô thị

Chế độ pháp luật hiện nay chỉ có hội nghị lắng nghe ý kiến, hội nghị luận chứng, các buổi tọa đàm, phương thức công khai dự thảo đồ án quy hoạch để trưng cầu ý kiến. Những phương thức này có tác dụng hữu hạn trong thực tế nhân dân tham gia quy hoạch. Các hội nghị này chỉ chủ yếu nhằm thu thập ý kiến liên quan, chứ không phải là biện pháp tham gia thực sự. Trong các luật quy hoạch đô thị của nhiều nước phương Tây có quy định về các phương thức và kỹ thuật tham gia như đoàn thể bình xét quy hoạch của người dân thành phố, tiểu ban trưng cầu ý kiến và tư vấn cho người dân thành phố... của Anh và các nước phương Tây khác. Nước Anh còn bố trí một giám sát viên độc lập chuyên giám sát quy hoạch, xử lý những tố cáo cũng như ý kiến của quần chúng nhân dân không được quan tâm giải quyết, báo cáo lên Nghị viện, Ủy ban quy hoạch. Nếu cải tiến các phương pháp và kỹ thuật này, có thể làm cho việc nhân dân tham gia vào quy hoạch một cách sinh động và hiệu quả hơn.

3. Chủ thể quyết sách quy hoạch cần phải cải thiện phương thức quyết sách, khiến cho nó trở nên đa dạng

Ngoài việc phải tuân thủ những quy định pháp luật bắt buộc để cho quần chúng nhân dân tham gia quyết sách quy hoạch, chủ thể quyết sách còn có nhiều cách làm cho phương thức quyết sách trở nên đa dạng, giúp cho quần chúng nhân dân tham gia vào quyết sách quy hoạch một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, kinh nghiệm thực tế của nhân dân còn là “trợ thủ đắc lực” của chủ thể quyết sách và có tác dụng vô cùng to lớn trong hoàn thiện lập pháp. Vì vậy, chủ thể quyết sách phải ý thức rõ về điều này, tiếp thu sự tham gia của nhân dân, động viên và tổ chức nhân dân cùng quy hoạch. Thông tin rõ ràng và minh bạch là tiền đề cần thiết cho nhân dân tham gia công tác quy hoạch. Điều này đòi hỏi trong giai đoạn chuẩn

bị, chủ thể quyết sách phải công khai hóa toàn bộ thông tin về quyết sách cho mọi người dân biết, bảo đảm công khai hóa thông tin một cách liên tục và triệt để, quần chúng nhân dân có quyền lợi hữu quan đều có thể tiếp cận và tìm hiểu thông tin. Sau khi thông tin đến được với quần chúng nhân dân, chủ thể quyết sách quy hoạch còn phải phản hồi ý kiến của nhân dân. Đó không những là nghĩa vụ của chủ thể quyết sách, mà còn là sự bảo đảm cho quyết sách thể hiện rõ ý nguyện của nhân dân. Chủ thể quyết sách cần phải phát huy tốt ưu thế của thông tin trong quá trình nhân dân tham gia vào quyết sách, đứng trên lập trường của quần chúng nhân dân để suy nghĩ và đánh giá ý kiến đóng góp, tiếp thu một cách phù hợp, tránh gây ảnh hưởng tới hiệu quả quần chúng nhân dân tham gia vào quy hoạch do nguyên nhân tri thức chuyên ngành quy hoạch của nhân dân còn hạn chế.

4. Quần chúng nhân dân cần phải tiếp tục nâng cao ý thức, kỹ năng và trình độ tham gia vào quy hoạch

a) *Nâng cao ý thức chủ động tham gia vào quy hoạch của quần chúng nhân dân*

Quần chúng nhân dân cần phải nhận thức

Thành phố Diêm Thành, tỉnh Giang Tô đẩy mạnh xây dựng quy hoạch cấp nước sạch khu vực, thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển vùng ven biển

Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu rõ, cần phải đồng thời quan tâm phát triển đô thị và nông thôn, nhanh chóng thực hiện nhất thể hóa phát triển đô thị và nông thôn. Năm 2009, công tác phát triển khu vực ven biển được nâng lên thành chiến lược quốc gia của Trung Quốc: đến năm 2020, xây dựng cảng Liên Vân, Diêm Thành, Nam Thông thành các đô thị lớn, có tiềm lực kinh tế tương đối mạnh, có địa vị ngày càng cao trong số đô thị vùng ven biển Trung Quốc. Muốn thực hiện mục tiêu này, phải làm tốt công tác xây

được địa vị và sức mạnh của “người chủ”, hình thành nên thói quen tham gia, thay đổi thói quen hoàn toàn nghe lệnh của chính quyền, tuân thủ một cách bị động, cần phải hình thành năng lực trực tiếp tham gia và phát biểu ý kiến của mình.

b) *Nâng cao kỹ năng và trình độ tham gia của quần chúng*

Những người tham gia không thể phát biểu ý kiến mỗi người một cách, phải tổng hợp lợi ích nội bộ, thống nhất ý kiến, cố gắng khiến cho lợi ích tập thể giành được thông qua tham gia quyết sách quy hoạch trở nên công bằng và tối đa. Đồng thời, thông qua đối thoại với chính quyền một cách có tổ chức, mở rộng con đường tham gia quyết sách quy hoạch, ngoài phương thức trao đổi giao lưu mặt đối mặt truyền thống ra, còn phải triệt để sử dụng các phương tiện thông tin hiện đại như đài báo, mạng internet... để tham gia quy hoạch.

Trương Hiểu Yên

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn” TQ số 5/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

dựng quy hoạch cung cấp nước sạch, giải quyết vấn đề cung cấp nước sạch cho khu vực ven biển. Những năm gần đây, công tác cung cấp nước sạch khu vực Diêm Thành đã giành được nhiều thành tích nổi bật, tiếp tục tăng cường thực hiện mục tiêu đề ra, đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch đúng thời hạn theo yêu cầu của tình hình nhanh chóng phát triển và đô thị hóa vùng ven biển, hiện đại hóa đô thị và mục tiêu được xác định trong “Quy hoạch cung cấp nước sạch khu vực Tô Bắc”.

I. Những thành tích và biện pháp chủ yếu của công tác xây dựng quy hoạch cung cấp nước sạch khu vực

Theo mục tiêu thực hiện quy hoạch xác định trong “Quy hoạch cung cấp nước sạch khu vực Tô Bắc”, thành phố Diêm Thành đã đẩy mạnh xây dựng công trình cấp nước sạch khu vực. Tháng 4/2006, “Quy hoạch cấp nước sạch khu vực Tô Bắc” được chính quyền tỉnh Giang Tô phê chuẩn thực hiện, khu vực nội thành và 141 thị trấn nông thôn thuộc 5 huyện và 2 thành phố với 6,1072 triệu người được đưa vào quy hoạch. Theo mục tiêu ngắn hạn của quy hoạch, tới năm 2010, toàn thành phố cung cấp nước sạch cho 113 thị trấn nông thôn, xây dựng 9.473 km đường ống, 20 nhà máy nước thuộc cấp huyện, tổng công suất đạt 1,4 triệu tấn /ngày, cung cấp nước sạch cho 3,02 triệu dân trong khu vực. Qua hơn 4 năm cố gắng, cho đến cuối tháng 6/2011, công tác xây dựng công trình cấp nước sạch khu vực toàn thành phố hoàn thành 1,1 tỷ NDT, rải hơn 900 km đường ống trục chính và đường ống nhánh, xây dựng 10 nhà máy nước, trong đó đã hoàn thành 3 nhà máy, khiến cho năng lực cung cấp nước sạch khu vực tăng thêm 85 nghìn tấn/ngày đêm, 56 thị trấn nông thôn đã được cấp nước sạch, chiếm 39,2% tổng số thị trấn nông thôn trong quy hoạch.

1. Tăng cường lãnh đạo tổ chức, công tác không ngừng được đẩy mạnh

Những năm gần đây, trong bối cảnh quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa diễn ra ngày càng nhanh chóng và mức sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, vấn đề nguồn nước sạch đô thị đang bị đe dọa ô nhiễm nghiêm trọng, các nhà máy nước thị trấn nông thôn không thể bảo đảm chất lượng nước cấp. Các cấp chính quyền và đảng bộ thành phố Diêm Thành xuất phát từ góc độ “bảo đảm dân sinh, bảo đảm phát triển”, thống nhất tư tưởng, nâng cao nhận thức, coi trọng thực hiện quy hoạch cấp nước sạch khu vực, đưa công tác cấp nước sạch khu vực vào chương trình làm việc quan trọng, thiết

thực tăng cường lãnh đạo tổ chức, thành phố và các huyện (thị) đều xây dựng cơ chế tổ chức tương ứng, xác định rõ tổ chức thực hiện, thực thi chế độ trách nhiệm, đề ra kế hoạch thực hiện quy hoạch, hàng năm đều tăng cường đầu tư cho cấp nước sạch khu vực, thành quả được nâng cao rõ nét.

2. Xoay quanh mục tiêu thực hiện, điều chỉnh quy hoạch khoa học và hợp lý

Theo nguyên tắc quy hoạch thống nhất, bố cục hợp lý, đồng thời phát triển đô thị và nông thôn, hiệu quả kinh tế cao, đối với các vấn đề thực tế vấp phải trong quá trình thực hiện quy hoạch, thay đổi bố cục trước đây của thị trấn nông thôn, nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu quy hoạch, các địa phương thành phố Diêm Thành tiến hành điều chỉnh trình tự thời gian, lộ trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm thực hiện an toàn, kinh tế và nhanh chóng, theo đúng trình tự. Trong quy hoạch, thành phố Đông Đài điều chỉnh 3 thị trấn thực hiện kế hoạch trước năm 2010 (Hậu Cảng, Thời Yển, Thảo Yển) thành 4 thị trấn Tân Nhai, Đường Dương, Tân Tào, Cường Cảng, như vậy không những có thể ưu tiên giải quyết vấn đề nước sạch cho cư dân khu vực ven biển, mà còn có thể kết nối mạng lưới đường ống cấp nước sạch khu vực miền đông vào mạng lưới đường ống cấp nước sạch của cả nước. Kết hợp với điều chỉnh phương án xây dựng công trình cấp nước Nguyên Địa đợt thứ hai, huyện Xạ Dương sửa đổi phương án nguồn nước, bố cục mạng lưới đường ống cấp nước sạch khu vực, soạn thảo lại “Quy hoạch cấp nước sạch khu vực huyện Xạ Dương”, văn phòng Xây dựng tỉnh Giang Tô đã tổ chức thẩm định và phê chuẩn bản quy hoạch này. Huyện Hưởng Thủy điều chỉnh rút ngắn thời gian hoàn thành mục tiêu cung cấp nước sạch khu vực toàn huyện từ năm 2020 xuống tới năm 2013.

3. Mở rộng các kênh huy động vốn, liên tục tăng cường đầu tư cho công trình cấp nước sạch khu vực

Thông qua các phương thức như doanh

nghiệp tự huy động tiền vốn, thu hút tiền vốn đầu tư tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài, vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thành phố Diêm Thành tìm nhiều kênh huy động vốn, tăng cường đầu tư cho công trình cung cấp nước sạch khu vực. Toàn thành phố đã hoàn thành 1,1 tỷ NDT đầu tư, trong đó mức đầu tư từ tháng 1 đến tháng 6/2011 đạt 140 triệu NDT. Tổng giá trị đầu tư cho công trình cấp nước sạch khu vực đợt 1 đạt 238 triệu NDT. Thành phố Đông Đài hoàn thành khoảng 350 triệu NDT vốn đầu tư, trong đó mức đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2011 đạt 40 triệu NDT. Thành phố Đại Phong hoàn thành khoảng 160 triệu NDT vốn đầu tư, trong đó 6 tháng đầu năm 2011 đạt 28 triệu NDT. Huyện Phụ Ninh hoàn thành khoảng 130 triệu NDT vốn đầu tư, trong 6 tháng đầu năm 2011 giải ngân được 6 triệu NDT. Huyện Kiến Hồ hoàn thành khoảng 170 triệu NDT vốn đầu tư, trong đó mức đầu tư từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2011 đạt 4,88 triệu NDT...

4. Tăng cường quản lý công trình, nhanh chóng xây dựng công trình cấp nước sạch khu vực

Kiên trì nguyên tắc đồng thời xây dựng nhà máy và đường ống, ưu tiên xây dựng đường ống trước. Song song với việc nhanh chóng đẩy mạnh xây dựng nhà máy nước, đẩy mạnh xây dựng đồng bộ mạng lưới đường ống cấp nước sạch khu vực. Thành phố Diêm Thành đã hoàn thành công trình đợt thứ hai lấy nước sông, nâng cao năng lực hút nước lên tới 300 nghìn tấn /ngày đêm, hoàn thành 1/3 giá trị sản lượng dự án mở rộng nhà máy nước Thành Đông với công suất 100 nghìn tấn/ ngày đêm. Thành phố Đông Đài đã lắp đặt trên 300 km đường ống, xây dựng 2 trạm bơm trung áp, cung cấp nước sạch cho 14 thị trấn với dân số hơn 400 nghìn người. Công trình mở rộng nhà máy nước thứ hai có năng lực cung cấp 50 nghìn tấn nước sạch/ ngày đêm đã đi vào giai đoạn lắp đặt thiết bị, hoàn thành 245 km đường ống nhánh các loại cung cấp nước sạch cho 3 thị trấn với dân

số hơn 100 nghìn người. Huyện Phụ Ninh hoàn thành nhà máy nước Khải Phát Ích Lâm, nhà máy nước Hiệp Lực, đang xây dựng nhà máy nước Đông Thành, lắp đặt 171 km đường ống nhánh các loại, cung cấp nước sạch cho 11 thị trấn với dân số 250 nghìn người. Các huyện khác cũng không ngừng tăng cường xây dựng công trình cấp nước sạch và đang giành được hiệu quả ban đầu.

5. Tích cực tìm tòi cải cách, công tác cải cách chế độ nhà máy nước nhỏ thị trấn nông thôn được đẩy mạnh triển khai theo trình tự

Trong quá trình thực hiện quy hoạch cấp nước sạch, vấn đề lớn nhất là nhiều thị trấn nông thôn xây dựng nhà máy nước quy mô nhỏ, cùng cung cấp nước sạch, nhưng chưa hình thành hệ thống cấp nước hoàn chỉnh và có kế hoạch. Toàn thành phố có 161 nhà máy nước thị trấn nông thôn, 1.536 nhà máy nước cấp thôn, không những số lượng quá nhiều, mà quyền tài sản đa nguyên, khó bố trí việc làm cho số nhân viên dôi ra do cải cách chế độ, điều này đã trở thành vấn đề chủ yếu trong quá trình đẩy mạnh cung cấp nước sạch khu vực. Thành phố Đông Đài, Đại Phong thực hiện quản lý thống nhất, sâu sát tới từng nhà máy, công ty kinh doanh nước sạch thành phố mua lại số doanh nghiệp nước sạch hiện có ở các thị trấn nông thôn, bố trí hợp lý nhân viên các nhà máy nước nhỏ hiện có, tuyển dụng người giỏi theo hình thức cạnh tranh công bằng, phân bổ hợp lý, áp dụng biện pháp trợ cấp một lần đối với các nhân viên dôi dư, vừa có thể bảo vệ lợi ích của các nhà máy nước nhỏ, vừa có thể tiến hành thuận lợi công tác cấp nước sạch cho khu vực. Các huyện (thị) khác đều tích cực tìm tòi biện pháp cung cấp nước sạch mới kết hợp cải cách chế độ các doanh nghiệp cấp nước sạch nhỏ với công tác cung cấp nước sạch khu vực, áp dụng các phương thức như sáp nhập, mua, chuyển đổi..., xử lý ổn thỏa vấn đề về quyền tài sản và nhân viên của các nhà máy nước nhỏ,

đảm bảo cho nước sạch được cung cấp tới từng thị trấn nông thôn, thực hiện triệt để công tác cấp nước sạch khu vực.

II. Kiến nghị giải pháp đẩy nhanh xây dựng quy hoạch cấp nước sạch khu vực

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức tư tưởng

Thực hiện quy hoạch cấp nước sạch khu vực là thực hiện tư tưởng quan trọng “ba đại diện”, là nội dung quan trọng: làm những việc thiết thực cho quần chúng nhân dân. Đó cũng là đòi hỏi tất yếu để xây dựng toàn diện xã hội sung túc, là “công trình dân sinh” quan hệ mật thiết đến đời sống của nhân dân. Kiến nghị Thành ủy, chính quyền thành phố Diêm Thành căn cứ vào “Quy hoạch cấp nước sạch khu vực”, không ngừng đẩy mạnh công tác, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, bảo đảm công trình được thực hiện theo đúng yêu cầu của “Quy hoạch”.

2. Kịp thời điều chỉnh hợp lý quy hoạch

“Quy hoạch cấp nước sạch khu vực Tô Bắc” được đề ra năm 2005, chính quyền tỉnh Giang Tô phê duyệt thực hiện năm 2006, cần phải điều chỉnh theo tình hình mới. Trước hết, những dự án không phù hợp với phạm vi nhiều thành phố (huyện, khu vực), không những trong phạm vi thành phố đã có dự án vượt quá phạm vi huyện (thị), mà còn có dự án của huyện Quán Nam, thành phố Liên Vận Cảng vượt quá phạm vi thành phố rất khó thực hiện nếu không điều chỉnh. Thứ hai, phạm vi khu trung tâm được mở rộng. Khu Diêm Đông, Hoàng Tiêm vốn trực thuộc huyện Xạ Dương quản lý nay được quy hoạch về khu Đình Hồ quản lý, cần phải đưa vào quy hoạch cấp nước sạch của khu vực nội thành. Ngoài ra, quy hoạch khu vực thị trấn nông thôn huyện (thị) cũng điều chỉnh khá nhiều, vì vậy quy hoạch cấp nước sạch khu vực cũng cần điều chỉnh thêm.

3. Tăng cường cải cách thể chế

Một là, điều chỉnh thể chế quản lý cung cấp nước sạch khu vực. Nhanh chóng xây dựng thể chế quản lý cung cấp nước sạch khu vực do chính quyền thành phố (huyện, khu vực) lãnh

đạo, ngành xây dựng hoặc ngành nước sạch làm chủ quản, các cơ quan hữu quan như thị trấn nông thôn, các ban ngành... phối hợp chặt chẽ, tránh hiện tượng nhiều bên dẫm chân nhau, kìm hãm lẫn nhau. Hai là, nhanh chóng cải cách chế độ các nhà máy nước quy mô nhỏ. Xoay quanh quy hoạch cung cấp nước sạch khu vực, thực hiện cải cách chế độ các nhà máy nước quy mô nhỏ ở thị trấn nông thôn trước, bảo đảm triệt để cải cách chế độ trước khi xây dựng công trình cung cấp nước sạch khu vực. Ba là, cụ thể hóa nhiệm vụ mục tiêu. Chia nhỏ trách nhiệm tới từng tầng, làm rõ trọng điểm, tổ chức chặt chẽ, giám sát quản lý nghiêm ngặt, tăng cường thực hiện, bảo đảm thực hiện thuận lợi mục tiêu.

4. Đẩy mạnh lưu thông tiền vốn

Kiên trì vai trò chủ thể đầu tư của chính quyền cấp huyện, tích cực tranh thủ và sử dụng hiệu quả tiền vốn trợ cấp của cấp trên, đồng thời động viên các bên hữu quan tập trung huy động vốn, xây dựng và kiện toàn môi trường đầu tư đa nguyên hóa. Một mặt, tích cực tranh thủ sự giúp đỡ về tiền vốn xây dựng công trình cấp nước sạch khu vực, từ tiêu chuẩn trợ cấp 7 – 10% nâng cao lên tới 30 – 40%, tiếp tục động viên tích cực của các khu vực kinh tế trong việc đẩy nhanh công tác cung cấp nước sạch khu vực. Mặt khác, kiến nghị các cấp chính quyền tăng cường đồng bộ tài chính địa phương, đảm bảo lượng đầu tư tiền vốn xây dựng công trình, hoàn thiện cơ chế bù lỗ trong kinh doanh sau này, bảo đảm vận hành an toàn. Thứ ba, tích cực đẩy mạnh kinh doanh thị trường hóa, mở rộng con đường lưu thông tiền vốn, tuân thủ nguyên tắc “ai đầu tư, người đó được hưởng lợi”, ra sức thu hút tiền vốn xã hội tham gia vào xây dựng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình.

5. Tăng cường tổ chức lãnh đạo và bình xét thưởng phạt

Thiết thực tăng cường tổ chức lãnh đạo công trình cấp nước sạch khu vực, xây dựng cơ chế

bình xét trách nhiệm, các huyện (thị) xây dựng và kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện mục tiêu cấp nước sạch khu vực; nhanh chóng xây dựng cơ chế giám sát tình hình thực hiện quy hoạch cung cấp nước sạch khu vực và bình xét thưởng phạt, gắn liền kết quả kiểm tra với mức tiền trợ cấp, có thể rút bớt số tiền vốn xây dựng công trình cấp nước sạch khu vực của các huyện (thị)

có tiến độ thực hiện quy hoạch chậm để thưởng cho các huyện (thị) có tiến độ nhanh, thực sự phát huy tác dụng thưởng phạt .

Trịnh Hồng Quyền

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn" TQ số 11/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Hội nghị giao ban triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2012 ngành Xây dựng

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2012



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội nghị



Các đại biểu tham dự Hội nghị